

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Địa chỉ: Số 02 Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

SĐT: 0256 822077

Fax: 0256 817371

Website: www.duongsatngghiabinh.vn

Email: congtycpdsngghiabinh@gmail.com





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH


BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018



MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG


01



Thông tin khái quát
Quá trình hình thành và phát triển
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Cơ cấu bộ máy quản lý
Định hướng phát triển
Các rủi ro

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM


19



Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông
Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

41



Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
Kế hoạch phát triển trong tương lai
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

55

Đánh giá kết quả hoạt động của Công ty
Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc
Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



QUẢN TRỊ CÔNG TY

63

Hội đồng quản trị
Ban kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2018

77

Ý kiến của kiểm toán
Báo cáo tài chính được kiểm toán



THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Cơ cấu bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Quản trị rủi ro



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH



Hùng đất nước đổi mới, mừng Đảng quang vinh
Mừng xuân Kỷ Hợi 2019



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH
Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH
Tên viết tắt	NBR,JSC
Tên Tiếng Anh	NGHIABINH RAIL WAY JOINT STOCK COMPANY
Mã cổ phiếu	NBR
Vốn điều lệ	18.060.000.000 đồng
Vốn chủ sở hữu	19.378.754.000 đồng
Trụ sở chính	Số 02, Đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Điện thoại	0256. 3822077
Fax	0256. 3817371
Email	congtycpdsnghiabinh@gmail.com
Website	www.duongsatnghiabinh.vn
Giấy chứng nhận ĐKDN	Số 4100259405 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 01/01/2011; đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 25/10/2017.

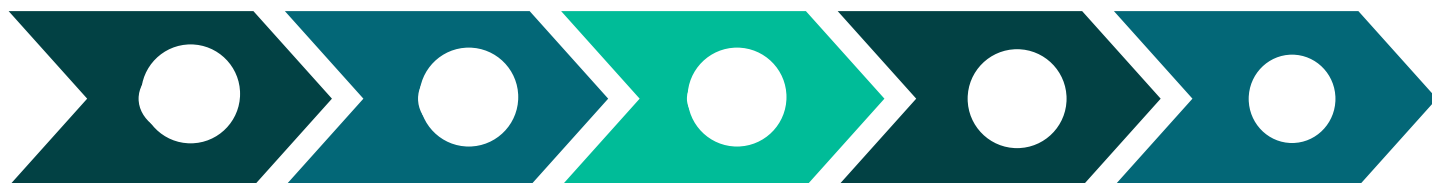
QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình qua hơn 40 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành đã trải qua nhiều lần thay đổi về mặt tổ chức, quản lý và tên gọi. Tuy ở những thời điểm, hoàn cảnh khác nhau có những khó khăn, thách thức riêng, song toàn Đảng bộ, Ban Giám đốc, các tổ chức đoàn thể cùng toàn thể công nhân viên chức, lãnh đạo trong Công ty đã thể hiện lập trường kiên định, vững tin vào đường lối, chủ trương của Đảng, bám sát nhiệm vụ chính trị, tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ngành Đường sắt Việt Nam, sự giúp đỡ của chính quyền địa phương hai tỉnh Bình Định - Quảng Ngãi và nhân dân dọc hai bên tuyến đường sắt, đã xây dựng và phát triển Công ty ngày càng vững mạnh, từ đó đưa Công ty hòa nhập vào công cuộc đổi mới của đất nước, của ngành, đóng góp một phần xuất sắc vào thành quả của giai cấp công nhân ngành Đường sắt cả nước trong giai đoạn khôi phục, tái thiết tuyến đường sắt Thống nhất và đặc biệt là trong giai đoạn đổi mới đưa ngành Đường sắt Việt Nam bước vào thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

Qua hơn 40 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành, Công ty có những tên gọi ở từng thời điểm như sau:

Ngày 01/10/1976, Khu Đường sắt Nghĩa Bình: Theo Quyết định số 1808/TC-NS của Tổng cục Đường sắt.

Ngày 30/12/1983, Xí nghiệp Quản lý đường sắt Nghĩa Bình: Theo Quyết định số 908/TC của Tổng cục Đường sắt.



Trước 1976

Từ sau ngày giải phóng đến tháng 09/1976, Trung tâm Đường sắt Quy Nhơn: Thuộc Đoạn Đường sắt II Bình Định - Bình Thuận.

1976

Ngày 01/10/1976, Khu Đường sắt Nghĩa Bình: Theo Quyết định số 1808/TC-NS của Tổng cục Đường sắt.

1979

Ngày 02/02/1979, Đoạn cầu đường Nghĩa Bình: Theo Quyết định số 106/TC-NS của Tổng cục Đường sắt.

1983

Ngày 30/12/1983, Xí nghiệp Quản lý đường sắt Nghĩa Bình: Theo Quyết định số 908/TC của Tổng cục Đường sắt.

1996

Ngày 30/5/1996, Xí nghiệp Quản lý đường sắt Nghĩa Bình: Đơn vị sự nghiệp kinh tế theo Quyết định 1208/TC của Bộ Giao thông vận tải.





Ngày 17/4/1998, Xí nghiệp Quản lý đường sắt Nghĩa Bình: Xí nghiệp công ích theo Quyết định số 876/TCCB của Bộ Giao thông vận tải.

Ngày 29/06/2010, CT TNHH MTV Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình: Theo Quyết định số 713/QĐ-ĐS của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

Ngày 07/04/2016, CTCP Đường sắt Nghĩa Bình được UBCKNN chấp thuận là Công ty đại chúng theo công văn số 1690/UBCK-GSĐC ngày 07/4/2016 của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước về việc đăng ký Công ty đại chúng.

Ngày 19/08/2016, giao dịch đầu tiên cổ phiếu đăng ký giao dịch CTCP Đường sắt Nghĩa Bình trên thị trường UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1998

2003

2010

2015

2016

Ngày 20/3/2003, Công ty Quản lý đường sắt Nghĩa Bình: Theo Quyết định số 734/2003/QĐ-GTVT của Bộ Giao thông vận tải.

Ngày 30/10/2015, Căn cứ Quyết định số 3895/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình thành CTCP.

Ngày 11/12/2015, tổ chức phiên đấu giá bán cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) của Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình, tổ chức giá đấu thành công bình quân 10.000 đồng/CP.



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Lịch sử 40 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình là một chặng đường dài đầy khó khăn, gian khổ. Song, với sự quan tâm, chỉ đạo của các thể hệ lãnh đạo các cấp ngành Đường sắt Việt Nam, của UBND hai tỉnh Bình Định và Quảng Ngãi; sự hợp tác giúp đỡ có hiệu quả của các Sở ngành, chính quyền cơ sở và nhân dân địa phương có đường sắt đi qua; toàn thể cán bộ công nhân viên – người lao động Công ty bằng tất cả trái tim, khối óc; bằng ý chí nghị lực với tinh thần lao động cần cù sáng tạo, những người thợ cầu đường đã làm nên những điều kỳ diệu.

Ghi nhận những cống hiến của cán bộ công nhân viên – người lao động Công ty trong những năm qua, Đảng, Nhà nước đã phong tặng danh hiệu đơn vị "Anh hùng lao động" trong thời kỳ đổi mới năm 1996, Huân chương Độc lập hạng Ba năm 2001, hạng Nhì năm 2006, hạng nhất năm 2011, Huân chương lao động hạng Nhất, Nhì, Ba và nhiều cờ thi đua của Chính phủ, các Bộ, Ngành...

Dẫn đầu phong trào Bảo vệ an ninh tổ quốc, Thi đua quyết thắng liên tục;

Giữ vững Đơn vị văn hoá 2002 - 2011, từ năm 2012 đến 2016 là cơ quan đạt chuẩn văn hóa doanh nghiệp

Liên tục đạt danh hiệu Đơn vị dẫn đầu thi đua và tiên tiến của Tổng công ty.

Và nhiều cờ thi đua, bằng khen của các Bộ, ngành Trung ương và địa phương tặng cho các tập thể và cá nhân xuất sắc.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

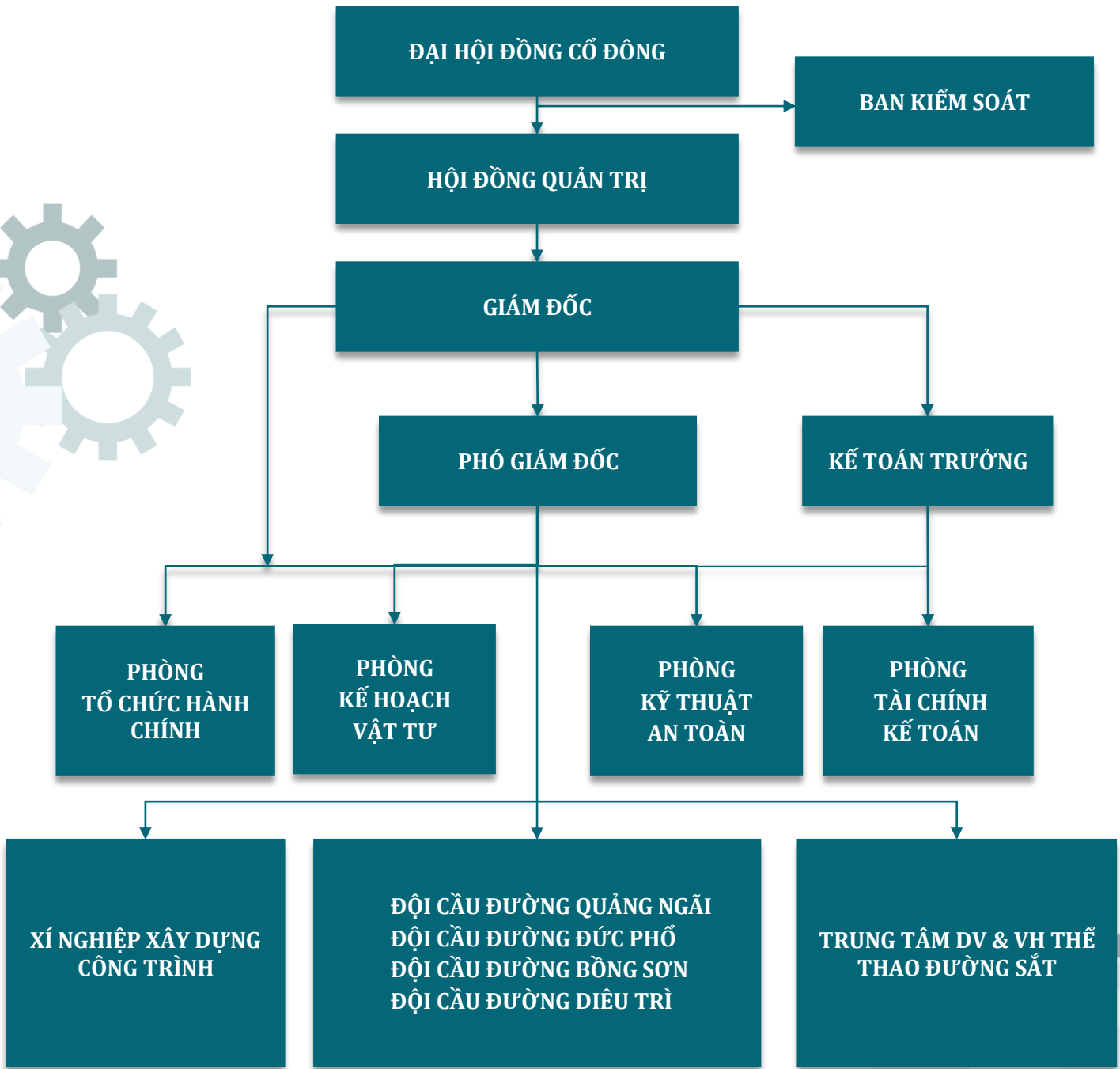
- Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, bảo trì, xây dựng công trình giao thông đường sắt, đường bộ, thủy lợi và nhà các loại; Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt.
- Ngành, nghề kinh doanh liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính:
 - Sản xuất và khai thác đá, cát sỏi, cấu kiện bê tông, thép chuyên ngành, dụng cụ lao động, bảo hộ;
 - Thí nghiệm, kiểm nghiệm, tư vấn.
- Các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật:
 - Kinh doanh vận tải đường bộ; đại lý vé máy bay, ô tô, tàu hỏa;
 - Đầu tư và kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch;
 - Hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa thể thao.

Địa bàn kinh doanh

- Công ty hoạt động chủ yếu ở 2 tỉnh: Bình Định và Quảng Ngãi.



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



Công ty mẹ: Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam

- Địa chỉ: 118 Đường Lê Duẩn, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: (024) 39425972; Fax: (024) 39422866
- Vốn điều lệ: 2.268.000.000.000 VND
- Ngành nghề kinh doanh:
 - Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh vận tải đường sắt, vận tải đa phương thức trong nước và liên vận quốc tế; quản lý, khai thác, bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia; kinh doanh hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt; điều hành giao thông vận tải đường sắt quốc gia; đại lý và dịch vụ vận tải đường sắt, đường bộ đường thủy, đường hàng không; tư vấn, khảo sát, thiết kế, chế tạo, đóng mới và sửa chữa các phương tiện, thiết bị, phụ tùng chuyên ngành đường sắt và các sản phẩm cơ khí.
 - Ngành nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính: Tư vấn, khảo sát thiết kế, xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp và dân dụng; Dịch vụ viễn thông và tin học; Kinh doanh xăng, dầu, mỡ bôi trơn của ngành đường sắt; kinh doanh kho bãi và dịch vụ hỗ trợ cho vận tải.
- Tỷ lệ góp vốn tại công ty: 9.210.600.000 đồng (tính theo mệnh giá) tương ứng 51% vốn điều lệ.



Công ty con, Công ty liên kết: Không có



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Chiến lược phát triển ngắn hạn

Đến năm 2020: hoàn thành cải tạo, nâng cấp mạng đường sắt hiện có đạt tiêu chuẩn đường sắt quốc gia cấp I, hoàn thành kết nối đường sắt với các cảng biển quốc tế nhà máy khu kinh tế, khu mỏ và các trung tâm du lịch lớn...; phần đầu hoàn thành xây dựng mới tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và Đồng Đăng - Hà Nội; nhanh chóng phát triển giao thông vận tải đường sắt tại các đô thị, trước mắt ưu tiên triển khai tại Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh; ưu tiên xây dựng trước một số đoạn tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam; từng bước cải tạo mở rộng các khu đoạn đường sắt đơn hiện có thành đường đôi điện khí hoá và mở rộng các tuyến đường sắt đô thị đáp ứng nhu cầu vận tải nội - ngoại ô cũng như các vùng đô thị lớn.

Các mục tiêu, chiến lược chủ yếu

Cải tạo nâng cấp các tuyến hiện có, trong đó ưu tiên trên tuyến đường sắt Bắc Nam.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Đến năm 2030: hoàn thành mạng đường sắt đô thị tại Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và triển khai xây dựng tại một số thành phố lớn khác; cơ bản hoàn thành mạng đường sắt cao tốc Bắc - Nam; triển khai xây dựng mạng đường sắt Tây Nguyên, đường sắt nơi các tỉnh ven biển đồng bằng Bắc Bộ và đường sắt đến các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.



Mục tiêu đối với môi trường

Phát triển bền vững, nhằm đảm bảo giữ cân bằng giữa phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường. Áp dụng các công nghệ sạch, công nghệ ít phế thải, tiêu hao ít nguyên liệu bằng cách trang bị, đầu tư các thiết bị công nghệ mới, tiên tiến hơn.



Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng

Tổ chức và tham gia các hoạt động xã hội, thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, góp phần tham gia vào sự phát triển của địa phương.



QUẢN TRỊ RỦI RO

TÌNH HÌNH CHUNG NGÀNH ĐƯỜNG SẮT NĂM 2018

Trong năm 2018, vận tải đường sắt đã có tăng trưởng ấn tượng, chất lượng dịch vụ đã được nâng cao hơn, nhiều sản phẩm được khách hàng ghi nhận, công nghiệp đường sắt có nhiều khởi sắc. Sau những nỗ lực đổi mới, vận tải đường sắt đã có bước tăng trưởng khá sau thời gian sụt giảm với doanh thu tăng 8%. Bên cạnh đó, ngành đường sắt vẫn có nhiều khó khăn chưa giải quyết được như cơ sở hạ tầng đã xuống cấp sau một thời gian dài khai thác. Để khắc phục vấn đề trên, Tổng công ty đường sắt Việt Nam đã xuất được quốc hội phê chuẩn 4 dự án cấp thiết cải tạo tuyến đường sắt Hà Nội – Hồ Chí Minh với số tiền đầu tư là 7.000 tỷ đồng cho công tác nâng cấp, cải tạo kết cấu hạ tầng.

Về an toàn giao thông, qua thống kê sơ bộ của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, tai nạn đường sắt xảy ra 267 vụ, giảm 79 vụ (-22,8%). Trong đó, do khách quan 257 vụ, giảm 77 vụ (-23%); do chủ quan 10 vụ, giảm 2 vụ (-16,7%); làm chết 124 người, giảm 27 người (-17,9%); làm bị thương 184 người, giảm 43 người (-18,9%). Để đạt những kết quả tích cực trong công tác giao thông, ngành vận tải đường sắt đã siết chặt các giải pháp ngăn ngừa tai nạn, sự cố do chủ quan, trong đó đẩy mạnh áp dụng công nghệ để tăng cường giám sát.







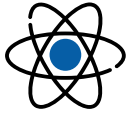
RỦI RO KINH TẾ

2018 là một năm đầy biến động đối với nền kinh tế thế giới. Thương mại toàn cầu sụt giảm, điều kiện tài chính toàn cầu đang có xu hướng thắt chặt hơn, lãi suất cơ bản của Mỹ tăng cao hơn, đồng USD mạnh hơn, biến động thị trường tài chính toàn cầu phức tạp hơn đã và đang tác động tiêu cực đến kinh tế toàn cầu.

Ngược lại với xu hướng tăng trưởng chung của toàn cầu, năm 2018, nền kinh tế Việt Nam có nhiều cột mốc kinh tế nổi bật. Điển hình là tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng trưởng cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây, ở mức 7,08% - cao hơn tăng trưởng mục tiêu được đặt ra trong năm 2018 là 6,8%. Mặt khác, Nhà nước đã rất cố gắng trong việc kiểm soát lạm phát trong năm 2018 và tốc độ lạm phát được đo lường bằng chỉ số giá tiêu dùng cũng được duy trì ở mức 3,54%, đạt lạm phát mục tiêu dưới 4%.

NBR là một cá thể trong nền kinh tế, nên mọi biến động kinh tế vĩ mô trên thế giới và trong nước đều tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty luôn thường xuyên cập nhật tình hình kinh tế lẫn chính trị để đưa ra các chiến lược trung và dài hạn phù hợp.





RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH ĐƯỜNG SẮT

- Ngành Đường sắt có một số đặc thù trong hoạt động quản lý và bảo dưỡng đường sắt như: cần có độ chính xác cao, có tính chất lưu động và tồn tại những nguy hiểm độc hại có thể làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động khi phải làm việc trong tình trạng ô nhiễm.
- Dịch vụ vận tải đường sắt đã ra đời từ rất lâu tại Việt Nam và đóng vai trò quan trọng trong di chuyển, vận tải đối với các cự ly trung bình và dài. Tuy nhiên, vì chưa có sự đầu tư đồng bộ, ngành đường sắt chưa thể phát huy được vai trò của mình. Đồng thời do thiếu hụt nguồn vốn trong thời gian dài, đường sắt Việt Nam đã có nhiều sự lạc hậu so với đường sắt trên toàn thế giới như thiếu đồng bộ, máy móc cũ kĩ, đường sắt không đảm bảo được chất lượng kỹ thuật cũng như không được bảo dưỡng thường xuyên. Vì vậy, ngành đường sắt Việt Nam rất cần vốn để nâng cấp cơ sở hạ tầng, cơ cấu đường sắt và hệ thống máy móc để phục vụ khách hàng ngày càng tốt hơn.
- Áp lực từ khách hàng: Kì vọng của khách hàng đối với dịch vụ vận tải đường sắt ngày càng cao về sự an toàn, môi trường, tốc độ, chất lượng và giá dịch vụ. Ngành Đường sắt đứng trước thách thức phải nâng cao cơ sở vật chất và chất lượng dịch vụ để có thu hút khách hàng.
- Áp lực từ sản phẩm thay thế: Hiện nay, các phương tiện khác ngày càng được phổ biến hơn do nhu cầu của người dân ngày càng đa dạng, cùng với mức giá cả hợp lý và cạnh tranh đã có thể thu hút hơn trong việc sử dụng các loại hình như hàng không, đường bộ,.. Đường sắt cũng gặp bất lợi với tính chất vận chuyển kém linh hoạt hơn so với hàng không và đường bộ vì không thể đưa hàng hóa đến tận tay người dùng mà phải theo trạm dừng cố định.
- Áp lực từ đối thủ cạnh tranh: Với cơ chế đấu thầu nhằm tạo tính công khai, minh bạch, góp phần khắc phục những khó khăn cho ngân sách nhà nước và nguồn lực đầu tư eo hẹp cho các dự án phát triển hạ tầng đường sắt quốc gia, đã tạo ra thách thức đối với Công ty trong việc cạnh tranh với các công ty tư nhân khác trong ngành. Công ty phải đối mặt với rất nhiều khó khăn để giữ vững và mở rộng thị phần, cũng như khẳng định được vị thế của Công ty trong ngành.
- Ý thức của người dân vẫn còn kém khi mà không nhận thức được sự an toàn đã lấn chiếm hành lang an toàn đường sắt gây ảnh hưởng đến giao thông và có khả năng gây tai nạn cao. Tình hình này dù đã được phổ biến rất nhiều nhưng người dân vẫn còn chưa đủ nhận thức để phát hiện ra những tiềm ẩn tai nạn này.





RỦI RO GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU

Các nguyên liệu và vật tư là các chi phí trọng yếu trong hoạt động công ty trong lĩnh vực đường sắt. Vì vậy những thay đổi về các chi phí nguyên liệu đầu vào có thể làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty không được như mong đợi. Để hạn chế những tác động của rủi ro giá nguyên vật liệu, Công ty luôn giữ mối quan hệ tốt với nhà cung cấp để có nguồn hàng ổn định với mức giá cạnh tranh.



RỦI RO LUẬT PHÁP

Tất cả mọi hoạt động của Công ty đều được điều tiết bởi hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Đường sắt,... và các văn bản dưới Luật. Trong năm 2018, ngành Đường sắt có hai bước ngoặt lớn có tính chiến lược, đó là Luật Đường sắt sửa đổi có hiệu lực từ ngày 1/1/2018 và chuyển Tổng công ty Đường sắt Việt Nam từ Bộ Giao thông vận tải về Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp. Những thay đổi về yếu tố pháp lý thay đổi đã ít nhiều làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Để hạn chế những rủi ro này, NBR luôn chú trọng cập nhật những thay đổi pháp luật hiện hành để đưa ra các chiến lược quản trị và kinh doanh phù hợp.

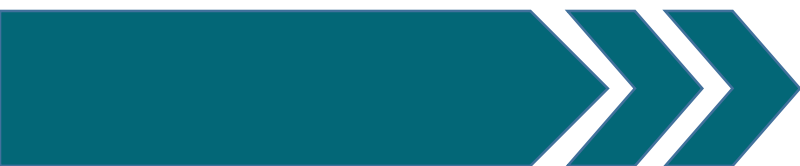


RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro đã đề cập ở trên thì hoạt động kinh doanh của Công ty cũng bị ảnh hưởng bởi những rủi ro bất khả kháng như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,... Tuy những rủi ro này ít khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn và ảnh hưởng đến hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt thông tin kịp thời phòng ngừa tổn thất lớn xảy ra.







TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông

Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng



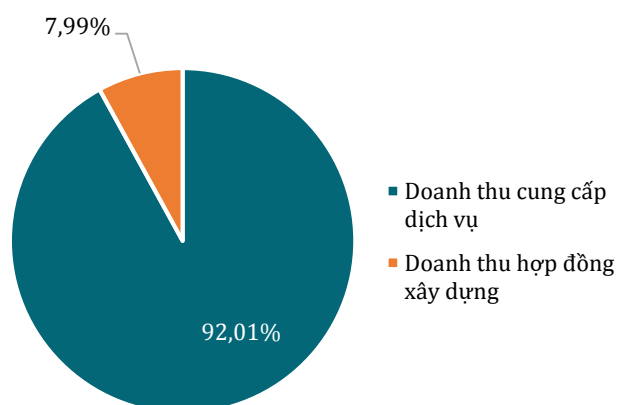
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Cơ cấu doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh

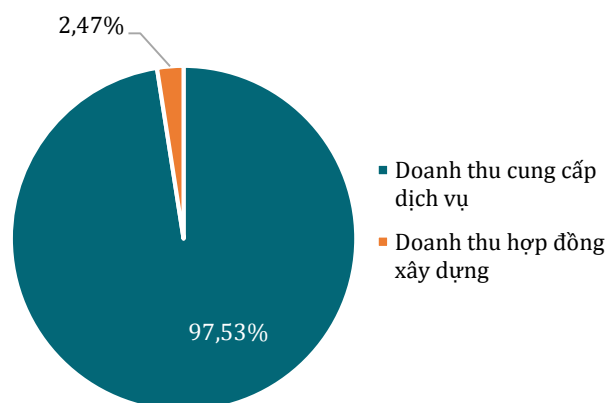
ĐVT: Tỷ đồng

STT	Doanh thu thuần	Năm 2017	Năm 2018	% Năm 2018/ Năm 2017
1	Doanh thu cung cấp dịch vụ	119,79	139,50	116,45%
2	Doanh thu hợp đồng xây dựng	10,40	3,53	33,91%
Tổng cộng		130,19	143,03	109,86%

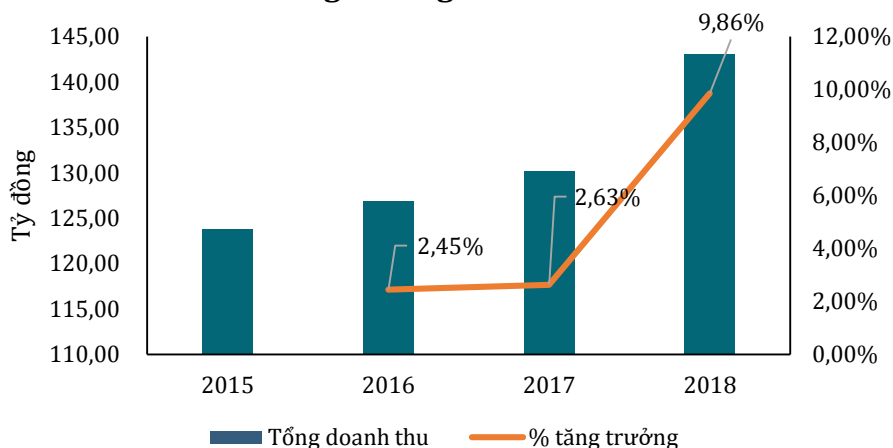
Năm 2017



Năm 2018



Tăng trưởng doanh thu



Năm	2015	2016	2017	2018
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	123,82	126,85	130,19	143,03
% tăng trưởng doanh thu	-	2,45%	2,63%	9,86%

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có nhiều chuyển biến tích cực vào năm 2018. Hoạt động cung cấp dịch vụ chiếm tỷ trọng 97,53%, cao hơn mức 92,01% vào cùng kì năm ngoái; và trở thành động lực để Công ty phát triển khi đã đóng góp vào doanh thu thuần 139,50 tỷ đồng ứng với mức tăng trưởng 16,45%. Ngược lại, doanh thu hợp đồng xây dựng đã giảm đáng kể 66,09%, tương đương giá trị doanh thu 3,53 tỷ đồng, và chỉ còn chiếm 2,47% trong cơ cấu doanh thu thuần. Nhìn chung, Công ty đã có một năm hoạt động thành công mang về 143,03 tỷ đồng doanh thu, và tăng trưởng doanh thu 9,86% - đây cũng là mức tăng trưởng doanh thu cao nhất trong 3 năm trở lại đây.



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Danh sách Ban Điều hành

Tính tại thời điểm 31/12/2018

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu
1	Mai Văn Tân	Giám đốc	5.840	0,32%/VĐL
2	Lê Công Đệ	Phó Giám đốc	4.780	0,26%/VĐL
3	Nguyễn Thanh Hải	Phó Giám đốc	4.630	0,26%/VĐL
4	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Kế toán trưởng	5.630	0,31%/VĐL





1. Ông Mai Văn Tân – Giám đốc

Ngày tháng năm sinh	01/01/1963
Nơi sinh	Phước Thành, huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định
Địa chỉ thường trú	Tổ 20B, Khu vực 3, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng đường sắt
Quá trình công tác	
◆ <i>Từ 04/1982 đến 06/1985</i>	Tập sự, kỹ thuật viên Đội đường 401 Quảng Ngãi thuộc Đoạn cầu đường Nghĩa Bình.
◆ <i>Từ 06/1985 đến 03/1990</i>	Đội phó Đội đại tu Đường sắt 409 thuộc Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình.
◆ <i>Từ 03/1990 đến 01/1998</i>	Kỹ thuật viên, thống kê Đội QLĐS 409 Điều Trì thuộc Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình.
◆ <i>Từ 01/1998 đến 09/2000</i>	Bí thư chi bộ, Đội trưởng Đội QLĐS 409 Điều Trì thuộc Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình.
◆ <i>Từ 09/2000 đến 03/2008</i>	Phó trưởng phòng Kế hoạch - Vật tư thuộc Công ty QLĐS Nghĩa Bình.
◆ <i>Từ 03/2008 đến 11/2015</i>	Phó trưởng phòng TCCB-LĐ thuộc Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình.
◆ <i>Từ 04/11/2015 đến 30/11/2015</i>	Phó giám đốc Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình.
◆ <i>01/12/2015 đến 07/01/2016</i>	Giám đốc Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình.
◆ <i>Từ 08/01/2016 đến nay</i>	Giám đốc Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không.
Số CP Công ty cá nhân nắm giữ	5.840 cổ phần tương ứng 0,32%/vốn điều lệ.
Số CP được ủy quyền đại diện cho TCT Đường sắt Việt Nam	460.530 cp tương ứng 25,5%/vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan	Vợ sở hữu 4.880 CP tương ứng 0,27%/vốn điều lệ
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có.
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có.



2. Ông Lê Công Đệ – Phó Giám đốc

Ngày tháng năm sinh	08/08/1959
Nơi sinh	Phước An, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định
Địa chỉ thường trú	Số 113, Đường Phó Đức Chính, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng đường sắt
Quá trình công tác	
♦ <i>Từ 1980 đến 1981</i>	Kỹ thuật viên Đội đường sắt 407 Phù cát thuộc Đoạn cầu đường Nghĩa Bình
♦ <i>Từ 1981 đến 1996</i>	Kỹ thuật viên phòng Kỹ thuật thuộc Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình.
♦ <i>Từ 1996 đến 2001</i>	Phó phòng Kỹ thuật thuộc Công ty QLĐS Nghĩa Bình.
♦ <i>Từ 2001 đến 2009</i>	Trưởng phòng Kỹ thuật thuộc Công ty QLĐS Nghĩa Bình
♦ <i>Từ 2009 đến 2011</i>	Giám đốc Xí nghiệp KDDV-XDCT thuộc Công ty QLĐS Nghĩa Bình
♦ <i>Từ 2011 đến 07/01/2016</i>	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình.
♦ <i>Từ 08/01/2016 đến nay</i>	Phó Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Phó Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần Công ty cá nhân nắm giữ	4.780 cổ phần tương ứng 0,26%/Vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan	0 cổ phần
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có





3. Ông Nguyễn Thanh Hải – Phó Giám đốc

Ngày tháng năm sinh	12/03/1969
Nơi sinh	Thị trấn Hương Canh, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc
Địa chỉ thường trú	Tổ 42, Khu vực 6, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Kinh tế xây dựng Giao thông vận tải
Quá trình công tác	
◆ <i>Từ 6/1988 đến 6/1990</i>	Công nhân phụ xe tải phòng Vật tư, Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình.
◆ <i>Từ 6/1990 đến 8/1997</i>	Công nhân lái xe P. Vật tư thuộc Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình.
◆ <i>Từ 8/1997 đến 2/1998</i>	Nhân viên phòng Vật tư thuộc Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình.
◆ <i>Từ 2/1998 đến 01/2004</i>	Phó trưởng phòng Vật tư thuộc Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình.
◆ <i>Từ 01/2004 đến 01/2011</i>	Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp Công ty QLĐS Nghĩa Bình.
◆ <i>Từ 26/01/2011 đến 15/12/2011</i>	Chánh văn phòng Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình.
◆ <i>Từ 16/12/2011 đến 07/01/2016</i>	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình.
◆ <i>Từ 08/01/2016 đến nay</i>	Phó Giám đốc Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Phó Giám Đốc Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số CP Công ty cá nhân nắm giữ	4.630 cổ phần
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan	0 cổ phần
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có



4. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Kế toán trưởng

Ngày tháng năm sinh	17/8/1976
Nơi sinh	Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Địa chỉ thường trú	Tổ 43, Khu vực 6, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
◆ Từ 6/1999 đến 02/2012	Nhân viên phòng Tài chính - Kế toán, Công ty TNHH MTVQLĐS Nghĩa Bình
◆ Từ 3/2012 đến 02/2014	Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Công ty TNHH MTVQLĐS Nghĩa Bình
◆ Từ 3/2014 đến 01/2015	Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Công ty TNHH MTVQLĐS Nghĩa Bình.
◆ Từ 02/2015 đến 07/01/2016	Kế toán trưởng, Công ty TNHH MTVQLĐS Nghĩa Bình.
◆ Từ 08/01/2016 đến nay	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số CP Công ty cá nhân nắm giữ	5.630 cổ phần tương ứng 0,31%/Vốn điều lệ
Số cổ phần được ủy quyền đại diện cho TCT Đường sắt Việt Nam	0 cổ phần
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan	Chồng sở hữu 3.870 cổ phần tương ứng 0,21%/VĐL Anh trai sở hữu 10.170 cổ phần tương ứng 0,56%/VĐL
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không



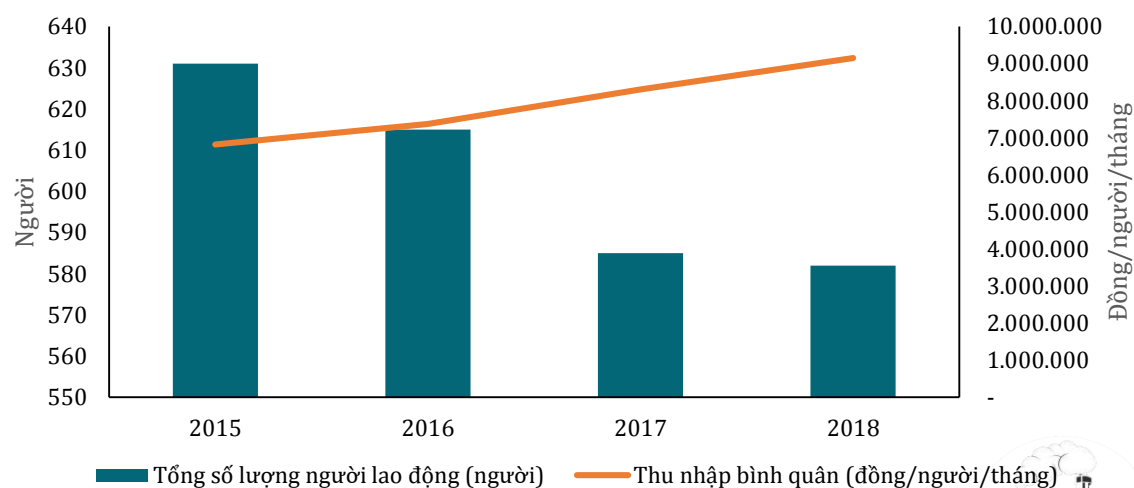
Tình hình lao động

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ lao động	582	100,00%
1	Trình độ trên đại học	-	-
2	Trình độ đại học, cao đẳng	86	14,78%
3	Trình độ trung cấp	83	14,26%
4	Công nhân kỹ thuật	399	68,56%
5	Lao động phổ thông	14	2,41%
B	Theo loại hợp đồng lao động	582	100,00%
1	Hợp đồng không thời hạn	507	87,11%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	-	-
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	75	12,89%
C	Theo giới tính	582	100,00%
1	Nam	527	90,55%
2	Nữ	55	9,45%

Thu nhập bình quân người lao động qua các năm

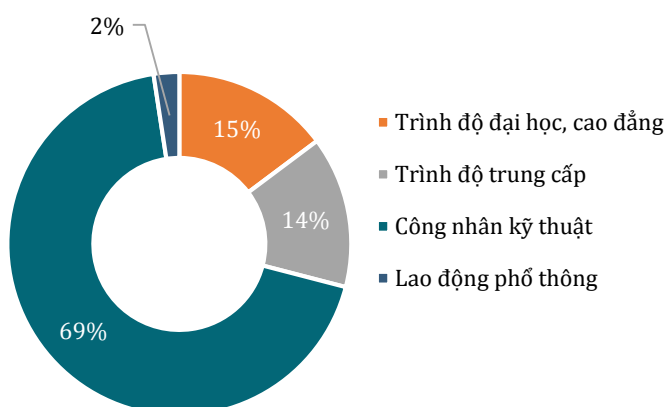
Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Tổng số lượng người lao động (người)	631	615	585	582
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	6.820.000	7.370.000	8.300.000	9.197.000

Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm

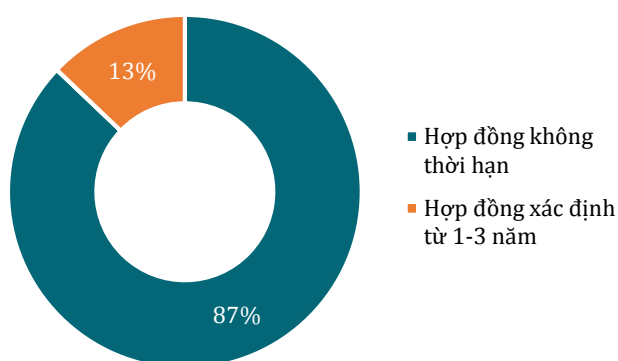


TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

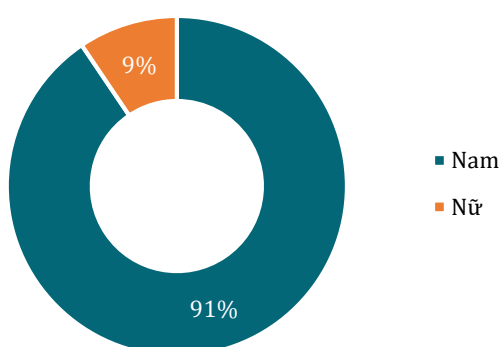
Theo trình độ lao động



Theo loại hợp đồng lao động



Theo giới tính



Chính sách nhân sự

Về đào tạo

Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ nhân viên, thường xuyên tổ chức cho các chuyến tham quan du lịch học tập trong và ngoài nước.

Về tuyển dụng

Trong năm Công ty đã thực hiện bổ nhiệm 01 Phó Giám đốc Công ty, 01 Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng

Ban hành Quy trình về việc giới thiệu, bổ nhiệm cán bộ đối với nguồn nhân sự tại chỗ.

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Công ty thực hiện chi trả lương đầy đủ và luôn cố gắng cải thiện thu nhập bình quân cho người lao động. Ngoài tiền lương, Công ty xây dựng chế độ thưởng theo quy chế khen thưởng chung nhằm khuyến khích người lao động đã có thành tích làm việc tốt trong năm. Thêm nữa, chế độ phúc lợi xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội luôn được đảm bảo.

Công ty luôn tạo môi trường làm việc thân thiện, đoàn kết thông qua các chuyến tham quan, nghỉ mát, du lịch hằng năm; các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao.



Môi trường làm việc

Trong năm, Công ty đã tổ chức thành công ngày Hội Văn hóa thể thao truyền thống lần thứ 35 và Kỷ niệm 42 năm ngày thành lập Công ty, tổ chức cho gần 100 cán bộ nhân viên tham quan du lịch, học tập trong và ngoài nước;

Năm 2018, Công ty đã giải quyết chế độ hưu trí 05 trường hợp, chấm dứt HĐLĐ 21 trường hợp do sức khỏe yếu, hoàn cảnh gia đình khó khăn; Thăm hỏi, trợ cấp 68 cán bộ nhân viên, người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; Quan tâm chăm sóc thiếu niên, nhi đồng là con cán bộ Công ty.

Công tác xã hội

Công ty thực hiện có hiệu quả các công tác xã hội như: Phụng dưỡng 02 Mẹ Việt Nam Anh Hùng; Tổ chức thăm hỏi, phúng viếng Mẹ Việt Nam Anh hùng Lê Thị Phẩm; Đóng góp ủng hộ nhân đạo địa phương, thăm hỏi hưởng ứng Ngày thế giới tưởng niệm các nạn nhân bị tử vong vì tai nạn giao thông và các hoạt động xã hội khác với số tiền chi trên 350 triệu đồng; Vận động người lao động tham gia hiến máu nhân đạo 2 đợt (10 người).



**MỘT SỐ
HOẠT ĐỘNG
TẠI CÔNG TY**



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Tình hình quản lý và sử dụng vốn và tài sản

Trong năm 2018 Công ty có đầu tư mua sắm tài sản cố định gồm những tài sản sau:

Đvt: Đồng

STT	Tên tài sản	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Máy móc thiết bị công tác				
1	Máy chèn đường cơ cấu thủy lực model XYD-2AIII	Bộ	2	248.300.000	496.600.000
2	Máy chèn đường cầm tay MRC 1100P	Cái	1	76.181.818	76.181.818
3	Đầm cóc Mikasa - MT77	Cái	4	54.954.546	219.818.183
4	Búa đục bê tông OKTEC OKB 400	Cái	1	236.000.000	236.000.000
5	Búa đục bê tông OKTEC OKB 300	Cái	1	204.363.636	204.363.636
6	Máy trộn bê tông JZC 350	Cái	2	54.890.909	109.781.818
7	Máy khoan ray NZG-31	Cái	1	65.272.727	65.272.727
8	Máy cưa ray NQG-5III	Cái	1	62.090.909	62.090.909
9	Máy phát hàn dân dụng Jasie WG-3500	Cái	5	30.000.000	150.000.000
Tổng cộng					1.620.109.091

Hoạt động đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp: Không có.





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	% TH 2018/ KH 2018	% TH 2018/ TH 2017
Tổng tài sản	62,03	62,03	62,11	100,13%	100,13%
Tổng Doanh thu	131,06	141,82	144,14	101,64%	109,98%
Lợi nhuận từ HĐKD	4,19	3,88	4,24	109,36%	101,29%
Lợi nhuận khác	(0,31)	-	(0,29)	-	-
Lợi nhuận trước thuế	3,88	3,88	3,96	102,00%	102,03%
Lợi nhuận sau thuế	2,91	3,10	3,10	100,14%	106,79%
Tỷ lệ cổ tức (%)	8,00%	8,00%	8,00%	100,00%	100,00%

Năm 2018 đánh dấu sự thành công trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tất cả các chỉ tiêu đều hoàn thành 100% kế hoạch đặt ra. Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt là 9,98% và 2,03%. Tuy hoạt động kinh doanh còn nhiều thách thức, đứng trước áp lực cạnh tranh gay gắt của hàng không, đường bộ, đường thủy, hoạt động của Công ty vẫn có nhiều chuyển biến tốt.



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,21	1,22
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,10	1,07
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	64,78	63,80
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	183,91	176,27
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	22,03	25,43
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	2,04	2,30
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,23	2,17
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	13,40	14,00
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	4,55	5,00
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/ Doanh thu thuần	%	3,22	2,97



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 1.806.000 cổ phiếu

- **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:** 1.806.000 cổ phiếu
- **Số lượng cổ phiếu quỹ:** 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông

Tính đến ngày 22/06/2018

STT	Loại cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	487	1.802.700	99,82%
1	Cổ đông nhà nước	1	921.060	51,00%
2	Cổ đông tổ chức	-	-	-
3	Cổ đông cá nhân	486	881.640	48,82%
II	Cổ đông nước ngoài	2	3.300	0,18%
1	Cá nhân	1	200	0,01%
2	Tổ chức	1	3.100	0,17%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
Tổng cộng		489	1.806.000	100,00%



Danh sách cổ đông lớn

Tính đến ngày 21/01/2019

Tên nhà đầu tư	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	921.060	51,00%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có



TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Công ty luôn có những biện pháp chặt chẽ để kiểm soát đầu vào cũng như đầu ra, không để nguyên nhiên liệu bị thất thoát bất thường. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là bảo dưỡng kết cấu hạ tầng đường sắt. Vì vậy, nguồn nguyên vật liệu đầu vào chính của Công ty chủ yếu là các vật tư chuyên ngành được cung cấp bởi các Công ty trong ngành đường sắt, các đơn vị được công nhận cung cấp vật tư đường sắt và nhập khẩu được kiểm soát nghiêm ngặt bởi Bộ Giao thông vận tải, Tổng Công ty đường sắt Việt Nam và Công ty trước khi đưa vào sử dụng công trình như: ray, ghi, tà vẹt, bê tông dự ứng lực, tà vẹt gỗ, đá balats... Còn đối với vật tư đầu vào để Công ty sản xuất các cấu kiện bê tông cốt thép, gia công cấu kiện sắt thép, biển báo như: cát, đá, xi măng, sắt thép, sơn được mua tại các đơn vị có uy tín và được kiểm nghiệm đầy đủ trước khi đưa vào sản xuất.



Tiêu thụ năng lượng

Công ty luôn có sự quan tâm và tiết kiệm trong việc sử dụng và tiêu thụ năng lượng. Công ty cũng kiểm soát các định mức, đánh giá mức độ năng lượng sử dụng định kỳ. Nếu xảy ra hiện tượng bất thường, Công ty sẽ phát hiện sớm và tìm hiểu nguyên nhân, từ đó đưa ra giải pháp hiệu quả và ít tốn kém hơn so với trước đó. Công ty chủ yếu sử dụng các loại năng lượng như: Xăng, dầu diezen, dầu nhớt, điện,... cho cả hoạt động sản xuất và sinh hoạt hằng ngày cho cán bộ công nhân viên. Trong đó:

- Xăng được sử dụng chủ yếu cho việc sử dụng ô tô và máy thi công đường sắt.
- Dầu diezen được sử dụng chủ yếu cho việc sử dụng ô tô và máy thi công đường sắt như máy thay tà vẹt, máy chèn đường, máy đa năng...
- Dầu nhớt được sử dụng chủ yếu cho việc sử dụng ô tô và máy thi công đường sắt.
- Điện phục vụ sản xuất cho các nhà máy đơn vị và các hoạt động trong Công ty.





Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường



Năm 2018, Công ty tiếp tục tiến hành xây dựng kế hoạch thực hiện bảo vệ môi trường trong toàn Công ty đã đăng ký từ năm 2015. Trên cơ sở đó triển khai đến các đơn vị trong toàn Công ty thực hiện. Ngoài ra, để thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, Công ty đã thành lập ban chỉ đạo bảo vệ môi trường, đề xuất nhiệm vụ bảo vệ môi trường lên Tổng Công ty đường sắt Việt Nam, phổ biến đầy đủ các văn bản pháp luật liên quan bảo vệ môi trường đến toàn thể cán bộ công nhân viên, hưởng ứng, thực hiện nhiều chiến dịch bảo vệ môi trường như ngày môi trường thế giới 05/6, ngày môi trường đường sắt 5/11 và các chiến dịch khác về bảo vệ môi trường do ngành và nhà nước phát động. Công ty cũng xúc tiến đề án bảo vệ môi trường đơn giản đã được Ủy ban nhân dân thành phố Quy Nhơn xác nhận trong năm 2015. Trong năm 2018, Công ty không để xảy ra các sự cố liên quan đến môi trường hay các trường hợp vi phạm về môi trường dẫn đến bị xử phạt.



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.



Công ty hoạt động khá sôi nổi đối với các hoạt động từ thiện, cứu trợ xã hội, nuôi dưỡng các bà mẹ Việt Nam anh hùng. Cụ thể, Công ty đã phụng dưỡng 02 Mẹ Việt Nam anh hùng, tham gia với khối sản xuất kinh doanh – Dịch vụ Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh xây dựng nhà tình nghĩa, đóng quỹ xã hội ngành đường sắt và ủng hộ đồng bào lũ lụt Miền Trung. Mặt khác, Công ty còn ủng hộ các chương trình nhân đạo thể hiện sự đùm bọc yêu thương lẫn nhau và trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội. Số tiền nhân đạo được sử dụng lên đến 350 triệu đồng và 10 đơn vị hiến máu nhân đạo được tổ chức bởi liên đoàn lao động tỉnh Bình Định.





Chính sách liên quan đến người lao động

Chính sách đào tạo

Cán bộ công nhân của Công ty đều được đào tạo bài bản, Công ty thường tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho công nhân, thường xuyên tổ chức các hội thi tay nghề và nghiệp vụ. Đối với cấp quản lý, Công ty cử cán bộ tham gia các lớp học của Tổng Công ty đường sắt Việt Nam, các cơ quan Nhà nước,...nhằm nâng cao nghiệp vụ và nắm bắt các chế độ chính sách mới của Nhà nước. Bên cạnh đó, Công ty cũng thực hiện chính sách thu hút nhân tài, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao như:

- Thực hiện quy hoạch cán bộ nguồn và dài hạn;
- Ưu tiên đào tạo nâng cao lớp cán bộ trẻ để thay thế dần số cán bộ cao tuổi;
- Hàng năm gửi các cán bộ đi học để chuẩn hoá cán bộ.

Chế độ khen thưởng

Chế độ khen thưởng cho nhân viên của Công ty gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và năng suất lao động của mỗi CBCNV cho mỗi sản phẩm hoặc kết quả từng công đoạn sản phẩm, công trình. Về quy định chung, Công ty có các chế độ cơ bản như sau:

- Thưởng cho các đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc trong năm, thưởng cho cán bộ nhân viên có sáng kiến cải tiến kỹ thuật hiệu quả;
- Thưởng trong các dịp lễ tết của quốc gia và của ngành, Công ty.





Chế độ phụ cấp, bảo hiểm

- Tất cả nhân viên của Công ty đều được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và hưởng các trợ cấp xã hội phù hợp với Luật Lao động. Bên cạnh đó, nhân viên của Công ty còn nhận được các phụ cấp theo chế độ như phụ cấp độc hại, phụ cấp trách nhiệm chuyên môn...
- Là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực giao thông đường sắt, với phạm vi hoạt động trải dài 2 tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định nhưng Công ty đã bố trí hợp lý cho CBCNV trong Công ty đều có chỗ ở ổn định. Do đó đã tạo điều kiện yên tâm công tác cho CBCNV Công ty.

Sinh hoạt đoàn thể và các chính sách khác

- Tại Công ty, các tổ chức như công đoàn, Đảng ủy và Đoàn thanh niên tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật. Các tổ chức này đều trực thuộc các tổ chức đoàn thể Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động sinh hoạt đoàn thể nhằm tạo không khí vui tươi, thân thiện cho toàn thể CBCNV.
- Hàng năm, Công ty đều tổ chức các hoạt động thể thao như Tổ chức ngày hội thể thao của Công ty, tổ chức hội trại hè, ngày Quốc tế thiếu nhi, ngày tết Trung thu cho các cháu thiếu nhi và thực hiện chế độ nghỉ mát, nghỉ dưỡng sức cho một số CBCNV, tổ chức khám bệnh định kỳ.





BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	% TH 2018/ KH 2018	% TH 2018/ TH 2017
Tổng tài sản	62,03	62,03	62,11	100,13%	100,13%
Tổng Doanh thu	131,06	141,82	144,14	101,64%	109,98%
Lợi nhuận từ HĐKD	4,19	3,88	4,24	109,36%	101,29%
Lợi nhuận khác	(0,31)	-	(0,29)	-	-
Lợi nhuận trước thuế	3,88	3,88	3,96	102,00%	102,03%
Lợi nhuận sau thuế	2,91	3,10	3,10	100,14%	106,79%
Tỷ lệ cổ tức (%)	8,00%	8,00%	8,00%	100,00%	100,00%



Trong năm 2018, Công ty đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018. Cụ thể, kế hoạch sản xuất kinh doanh hoàn thành 100%, tuy hoạt động kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn, nhưng những thay đổi mới về chất lượng dịch vụ đã giúp Công ty đạt nhiều kết quả ấn tượng. Theo đó, doanh thu thuần đạt 144,14 tỷ đồng tăng 9,98% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, do đặc thù ngành đường sắt, giá vốn đầu vào cao chiếm 87% doanh thu thuần) dẫn đến biên lợi nhuận không cao. Mặc dù vậy, với nỗ lực kiểm soát đầu vào, quản lý chi phí hợp lý, lợi nhuận trước thuế vẫn mang giá trị âm 0,29 tỷ đồng. Ngoài ra, khối lượng sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt hoàn thành trước 15 ngày, hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước đầy đủ và đúng thời gian quy định, góp phần cải thiện thu nhập của cán bộ công nhân viên chức tại Công ty.

Những khó khăn, thuận lợi trong năm 2018

- Thuận lợi

- Được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo tại địa phương và Tổng Công ty; Hội đồng quản trị đã chỉ đạo kịp thời, hoạt động điều hành có hiệu quả của Ban Giám đốc Công ty và sự đồng lòng của tất cả cán bộ công nhân viên chức.
- Đội ngũ CBCNV lành nghề, đội ngũ lãnh đạo năng động có chuyên môn cao luôn hết mình cống hiến
- Công ty đã tạo được uy tín trên thị trường, có hệ thống khách hàng ổn định.

- Khó khăn

- Nhằm thực hiện tốt công tác an toàn giao thông đường sắt, an ninh trật tự, Công ty đã nỗ lực rào chắn và cấm toàn bộ biển báo các lối đi tự mở, nhưng chưa giảm đáng kể số vụ tai nạn. Những tiềm ẩn về nguy cơ mất an toàn chạy tàu ở các đường ngang không người gác, lối đi tự mở vẫn còn. Tai nạn do khách quan không giảm mà tăng lớn hơn so với năm 2017. Tình trạng tái lấn chiếm hành lang an toàn giao thông đường sắt vẫn còn.
- Nguồn vốn để thực hiện các công trình, dự án rất hạn chế nên công trình ngoài không có nhiều.
- Hệ thống phương tiện, trang thiết bị được đầu tư và đi vào hoạt động đã lâu, có một số hạng mục và phương tiện thiết bị đã xuống cấp, không thích ứng với khả năng khai thác hiện tại.
- Cạnh tranh gay gắt với các phương tiện vận tải khác (đường bộ, đường hàng không,..).



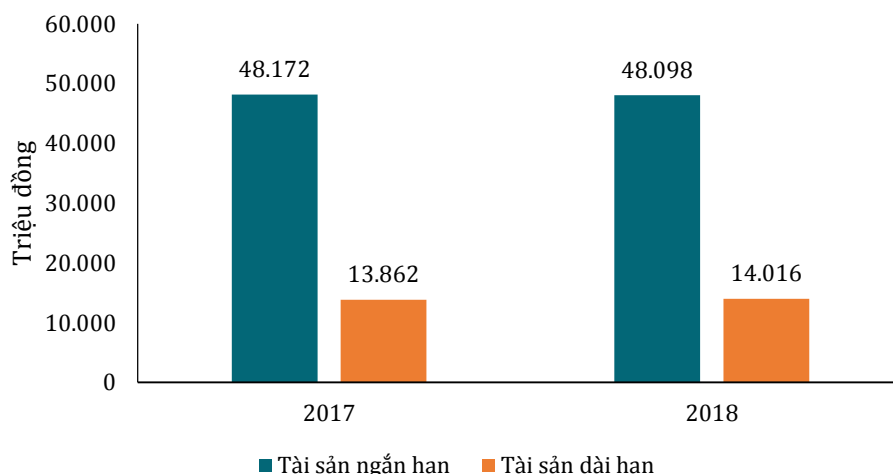
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	TH 2018/ TH 2017	Tỷ trọng năm 2017	Tỷ trọng năm 2018
Tài sản ngắn hạn	48.172	48.098	99,85%	77,65%	77,43%
Tài sản dài hạn	13.862	14.016	101,11%	22,35%	22,57%
Tổng tài sản	62.034	62.115	100,13%	100,00%	100,00%

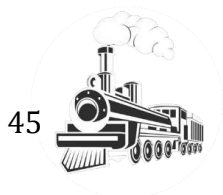
Tình hình tài sản qua các năm



Tình hình tài sản của Công ty trong năm 2018 không có sự thay đổi lớn về giá trị lẫn cơ cấu so với năm trước, cụ thể mức tổng tài sản đến thời điểm 31/12/2018 là 62.115 triệu đồng tăng 0,13% so với cùng kỳ năm trước. Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cấu trúc tài sản đạt 77,43%, còn lại là tài sản dài hạn.

Theo đó, các khoản mục tiền và tương đương tiền, hàng tồn kho đều tăng trưởng ở mức 41,16% và 33,81%. Các khoản phải thu ngắn hạn tuy chiếm tỷ trọng cao trong cấu trúc tài sản ngắn hạn nhưng lại giảm về giá trị, giảm 9,63% so với năm ngoái. Vì vậy, giá trị tài sản ngắn hạn năm 2018 giảm nhưng không đáng kể, giảm 0,15% so với năm trước và đạt giá trị 48.098 triệu đồng

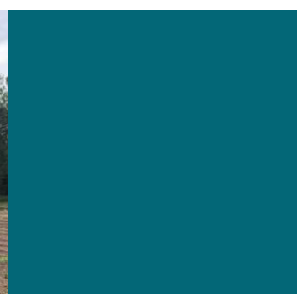
Bên cạnh đó, tài sản dài hạn lại tăng 1,11% đạt giá trị 14.016 triệu đồng. Cụ thể, trong năm Công ty có mua thêm máy móc, thiết bị mới có giá trị 1.620 triệu đồng và việc tăng các khoản chi phí trả trước là lý do chính khiến tài sản dài hạn tăng trưởng.



Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Đồng

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	11.805.326.557	4.512.309.804	38,22%
Máy móc thiết bị	5.361.130.787	2.743.542.927	51,17%
Phương tiện vận tải	9.172.572.109	3.675.439.407	40,07%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	35.886.364	2.973.441	8,29%
Cộng	26.374.915.817	10.934.265.579	41,46%

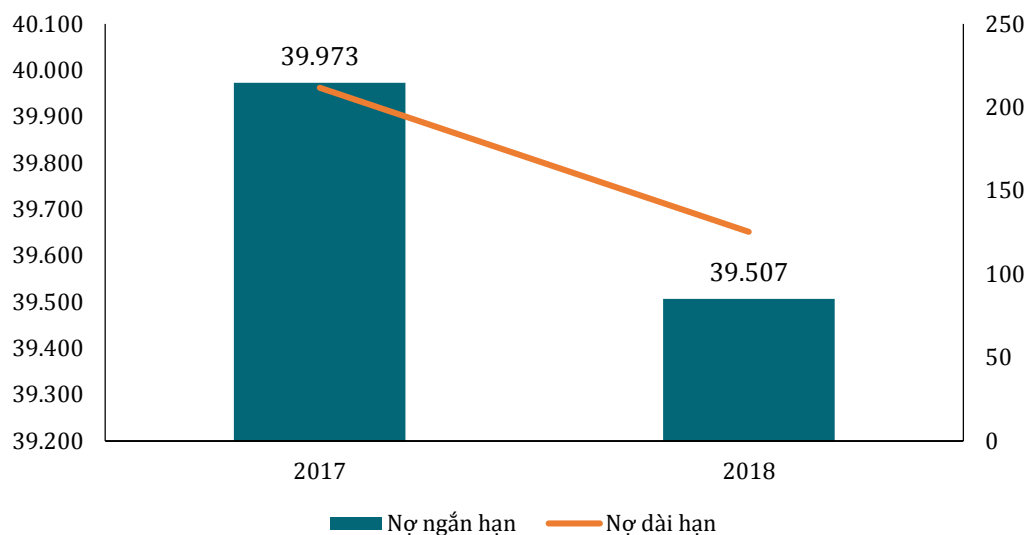


Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	TH 2018/ TH 2017	Tỷ trọng năm 2017	Tỷ trọng năm 2018
Nợ ngắn hạn	39.973	39.507	98,83%	99,47%	99,68%
Nợ dài hạn	212	125	59,18%	0,53%	0,32%
Tổng nợ phải trả	40.184	39.632	98,62%	100,00%	100,00%

Tình hình nợ phải trả qua các năm



Tình hình nợ phải trả của Công ty trong năm 2018 có xu hướng giảm so với năm 2017. Tổng nợ phải trả năm 2018 đạt giá trị 39.632 triệu đồng giảm 1,38% so với cùng kỳ năm trước. Theo đó, nợ ngắn hạn và nợ dài hạn đều giảm.

Nợ ngắn hạn của Công ty giảm từ 39.973 xuống còn 39.507 triệu đồng. Nguyên nhân chính là khoản phải trả ngắn hạn cho nhà cung cấp giảm 2.807 triệu đồng, tương ứng giảm 20,22% so với cùng kỳ năm trước. Tại thời điểm 31/12/2018, Công ty có các khoản phải trả người bán với các đối tác như của CTCP Tổng Công ty đường sắt, CT Chế biến Lâm sản Nghệ An, CTCP Cơ khí Đường sắt Đà Nẵng, CTCP Công trình 6, CT TNHH MTV Vật tư đường sắt Đà Nẵng, CT TNHH Đầu tư và Thương mại MEC Việt Nam.

Nợ dài hạn cũng có xu hướng giảm về giá trị, giảm 59,18% so với cùng kỳ năm ngoái, tương ứng với giá trị 125 triệu đồng. Chủ yếu là do năm 2018, Công ty đã thực hiện chi trả xong khoản vay dài hạn từ người lao động.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Xây dựng, bổ sung, hoàn thiện hệ thống các quy chế quản lý công ty nhằm phục vụ: công tác thi đua – khen thưởng, giới thiệu bổ nhiệm cán bộ đối với nguồn nhân sự tại chỗ; an toàn giao thông đường sắt; văn thư và lưu trữ; công tác phối hợp giữa Ban chấp hành Đảng bộ với Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty phù hợp với mô hình sản xuất mới.
- Khai thác và sử dụng hệ thống camera hỗ trợ công tác đảm bảo an ninh trật tự và an toàn giao thông đường sắt tại các điểm chắn đường có gác.
- Rà soát, bổ sung quản lý kỹ thuật cầu, đường, hầm, ghi và các công trình kiến trúc toàn tuyến trên máy tính kèm theo tài liệu, hình ảnh.
- Quản lý, sử dụng khai thác có hiệu quả các loại máy công trình, thiết bị thi công cơ giới hóa trong công tác sửa chữa kết cấu hạ tầng.





KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI**Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:**

- Tăng cường công tác quản trị, nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm thiểu các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tập trung chỉ đạo thực hiện mô hình sản xuất theo đề án 123/ĐA-ĐSNB ngày 15/10/2018 của Chủ tịch HĐQT Công ty.
- Đảm bảo mục tiêu tiến độ, chất lượng thi công tại các công trình, đặc biệt phải đạt được mục tiêu tiến độ, chất lượng công trình quản lý, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt, giữ vững công lịch tốc độ, tải trọng và đặc biệt là đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu.
- Tiếp thị đấu thầu tìm kiếm thêm nguồn việc, bổ sung giá trị sản lượng. Tăng cường tiếp thị đấu thầu lĩnh vực xây dựng cơ bản, dịch vụ nhà hàng.
- Tập trung giải quyết dứt điểm các vướng mắc trong công tác thanh quyết toán với Chủ đầu tư đẩy mạnh công tác nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành, thanh quyết toán dứt điểm các công trình đã thi công hoàn thành những năm trước.
- Nghiên cứu và áp dụng các công nghệ thi công mới vào sản xuất nhằm tăng năng suất lao động. Tiếp tục xây dựng các biện pháp, giải pháp để quản lý chi phí trực tiếp, tiết kiệm chi phí giá thành sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh
- Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách, quy trình trong công tác Tổ chức cán bộ và công tác tài chính kế toán, vật tư. Sử dụng đồng vốn có hiệu quả phục vụ sản xuất kinh doanh.

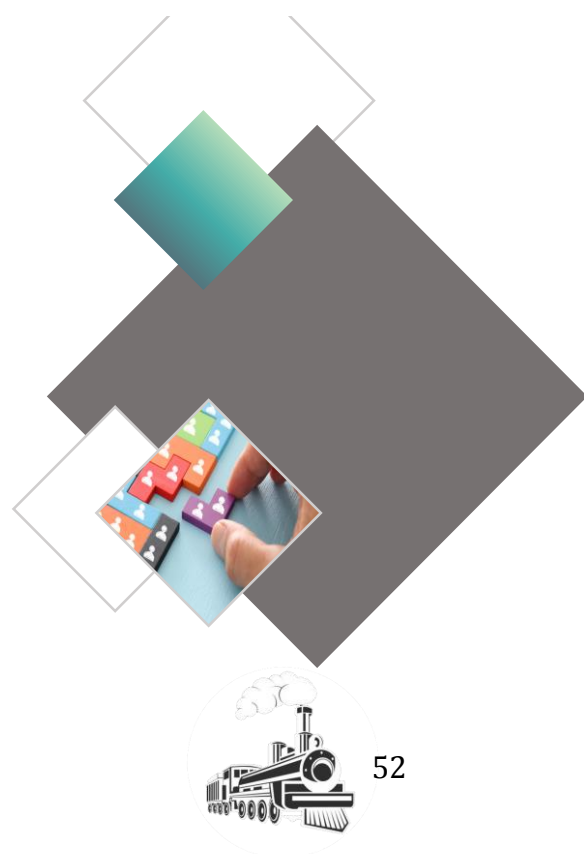
Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019
Vốn điều lệ	Đồng	18.060.000.000
Doanh thu thuần	Đồng	155.600.000.000
Sản lượng	Đồng	170.160.000.000
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	3.110.000.000
Tỷ lệ cổ tức	%	8%



Kế hoạch mua sắm máy móc, thiết bị năm 2019

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên tài sản	Số lượng	Thành tiền	Nguồn vốn sử dụng
1	Xe ô tô công vụ từ 5 – 7 chỗ	1 Xe	1.200.000.000	Vốn tự có
2	Máy chèn đường cơ cấu thủy lực XYD-2AIII	3 Bộ	745.500.000	Vốn khấu hao
3	Máy toàn đạc điện tử	1 Cái	145.000.000	Vốn khấu hao
4	Máy cưa ray MTZ 350	1 Cái	131.700.000	Vốn khấu hao
5	Máy khoan ray PR2	1 Cái	144.650.000	Vốn khấu hao
6	Máy siết bu lông dùng điện NLB-300	8 Cái	680.000.000	Vốn khấu hao
7	Dàn đèn thi công đường sắt ZGE6	1 Dàn	186.200.000	Vốn khấu hao
	Tổng cộng		3.233.050.000	

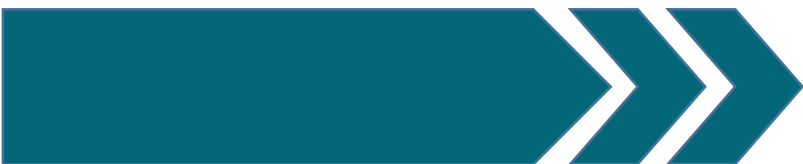
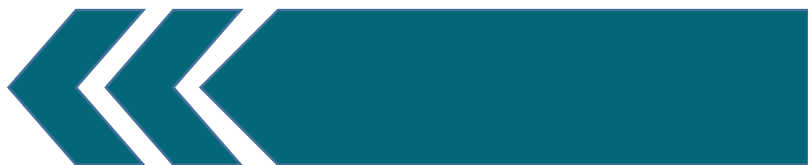


BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Công ty luôn thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các chính sách đối với người lao động; đảm bảo thu nhập ổn định cho cán bộ công nhân viên chức; đảm bảo các phúc lợi xã hội theo quy định; đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đầy đủ; trang bị bảo hộ và đề cao an toàn lao động; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động; tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ.

Với mục tiêu phát triển bền vững là trọng tâm gắn liền hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban lãnh đạo Công ty chủ trương toàn bộ cán bộ công nhân viên phải luôn đi đầu trong các hoạt động bảo vệ môi trường tự nhiên và xã hội bằng những hành động thiết thực và hiệu quả như tuyên truyền nâng cao nhận thức về ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng, tăng cường đảm bảo an ninh, an toàn phòng cháy chữa cháy trong tất cả các hoạt động của Công ty.







BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá kết quả hoạt động của Công ty

Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc

Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm, được sự quan tâm từ Chính quyền địa phương, Tổng Công ty, cùng sự quyết tâm của toàn thể cán bộ công nhân viên đã thực hiện được:

- Thực hiện tốt Điều lệ của Công ty; Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, Quy chế phối hợp công tác giữa Ban Chấp hành Đảng bộ Công ty với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
- Hội đồng quản trị lãnh đạo, giám sát Ban điều hành Công ty triển khai thực hiện hoàn thành và vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 đã thông qua. Đảm bảo công tác an toàn chạy tàu, an ninh trật tự, an toàn các công trình và triển khai các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông đường sắt và các phong trào thi đua để chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước, của Ngành và của Công ty;
- Sắp xếp lại các tổ chức, nhân lực của các phòng nghiệp vụ, Cung, Đội, Xí nghiệp nhằm giảm đầu mối, giảm lao động, tăng thu nhập cho các bộ công nhân viên;
- Giữ vững đoàn kết nội bộ Công ty, không để xảy ra đơn thư, khiếu nại;
- Công tác kiểm tra, sửa chữa các điểm xóc lắc của các đơn vị có nhiều cố gắng, giữ vững chất lượng cầu đường;
- Thực hiện chính sách, tổ chức tốt các hoạt động chăm lo đời sống CBNV – NLĐ Công ty.



Bên cạnh đó, cũng còn một số vấn đề khắc phục

- Trong lãnh đạo công tác đảm bảo an toàn giao thông đường sắt: Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, giám sát Ban điều hành thực hiện tốt việc phối hợp với các cấp chính quyền địa phương thực hiện tốt công tác an toàn giao thông đường sắt, an ninh trật tự, an ninh quốc phòng và bảo vệ môi trường. Mặc dù năm 2018 Công ty đã nỗ lực rào chắn và cấm toàn bộ biển báo các lối đi tự mở, nhưng vẫn nằm ở mức giảm thiểu tai nạn. Những tiềm ẩn về nguy cơ mất an toàn chạy tàu ở các đường ngang không gác, lối đi tự mở vẫn còn. Còn để xảy ra các tai nạn và trở ngại chạy tàu do chủ quan, tai nạn do khách quan không giảm mà tăng lớn so với năm 2017. Tình trạng tái lấn chiếm hành lang an toàn giao thông đường sắt vẫn còn; do nguồn vốn để thực hiện các công trình, dự án rất hạn chế nên công trình ngoài không có nhiều;
- Công tác tham mưu của một số phòng chuyên môn nghiệp vụ đôi lúc chưa nhạy bén, giải quyết công việc chưa được tốt;
- Các đơn vị cần tăng cường công tác kiểm tra, quản lý chặt chẽ, nhất là lực lượng làm công tác an toàn.

Kết quả sản xuất - kinh doanh năm 2018 thực hiện:

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	%tăng/giảm 2018/2017	%tăng giảm TH 2018/ KH 2017
- Tổng doanh thu	131,06	144,14	1,46%	9,98%
- Lợi nhuận trước thuế	3,88	3,96	2,00%	2,03%
- Lợi nhuận sau thuế	2,91	3,10	0,14%	6,79%



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Hoạt động giám sát

Năm 2018 là một năm đánh dấu nhiều cột mốc mới tăng trưởng cho nền kinh tế tuy nhiên hoạt động kinh doanh của Công ty còn gặp nhiều khó khăn. Bằng sự quyết tâm và đoàn kết từ Ban Giám đốc đến cán bộ công nhân viên, Công ty đã cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu đặt ra, một số chỉ tiêu tài chính vượt cao so với kế hoạch đặt ra.

Công tác điều hành được phân công cụ thể và chỉ đạo quyết liệt, bám sát phương hướng và kế hoạch hoạt động theo Đại hội đồng cổ đông năm 2018, và định hướng của Hội đồng quản trị.

Phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong công tác kiểm tra, giám sát.

Kết quả hoạt động giám sát

Khép lại năm 2018, hoạt động kinh doanh của Công ty có những chuyển biến tích cực đáng ghi nhận.

Hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục tăng trưởng mặc dù gặp nhiều khó khăn khi hoạt động kinh doanh vận tải đang bị chi phối bởi giá nguyên liệu và cạnh tranh gay gắt.

Công tác giữ gìn an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường được quan tâm góp phần mang lại hiệu quả, tạo sự an tâm cho khách hàng

Công tác công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được chú trọng, góp phần kết nối với nhà đầu tư về hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Dự kiến sản lượng, doanh thu, chi phí và lợi nhuận: Thực hiện đạt và vượt kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đề ra.

Nhiệm vụ trọng tâm năm 2019:

Trên cơ sở nhận định những thuận lợi và khó khăn trong năm 2018 ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình, đồng thời xác định yếu tố nội lực về tài chính, nguồn nhân lực của Công ty cũng như xét đến các công việc mà Công ty triển khai thi công trong năm 2019. Hội đồng quản trị xác định nhiệm vụ trong năm 2019, cụ thể:

- Đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu, an toàn lao động, an ninh trật tự, kiểm chế và giảm dần tai nạn giao thông đường sắt do khách quan so với năm 2018 từ 5% ở cả ba tiêu chí. Đảm bảo an toàn mọi mặt trong dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019.
- Tăng cường công tác quản trị, nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm thiểu các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tập trung chỉ đạo thực hiện mô hình sản xuất theo đề án 123/ĐA-ĐSNB ngày 15/10/2018 của Chủ tịch HĐQT Công ty.
- Đảm bảo mục tiêu tiến độ, chất lượng thi công tại các công trình, đặc biệt phải đạt được mục tiêu tiến độ, chất lượng công trình quản lý, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt, giữ vững công lệnh tốc, tải trọng và đặc biệt là đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng năng suất lao động, xây dựng kế hoạch tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực đảm bảo kế hoạch SXKD năm 2019 và các năm tiếp theo.
- Tiếp thị đấu thầu tìm kiếm thêm nguồn việc, bổ sung giá trị sản lượng. Tăng cường tiếp thị đấu thầu lĩnh vực xây dựng cơ bản, dịch vụ nhà hàng.
- Tập trung giải quyết dứt điểm các vướng mắc trong công tác thanh quyết toán với Chủ đầu tư đẩy mạnh công tác nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành, thanh quyết toán dứt điểm các công trình đã thi công hoàn thành những năm trước.





- Nghiên cứu và áp dụng các công nghệ thi công mới vào sản xuất nhằm tăng năng suất lao động. Tiếp tục xây dựng các biện pháp, giải pháp để quản lý chi phí trực tiếp, tiết kiệm chi phí giá thành sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện kịp thời chi trả tiền lương và chế độ cho người lao động. Đảm bảo mức trả cổ tức hằng năm cho các cổ đông.
- Xây dựng Quy chế trả lương Trung tâm dịch vụ Văn hóa - Thể thao đường sắt.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách, quy trình trong công tác Tổ chức cán bộ và công tác tài chính kế toán, vật tư. Sử dụng đồng vốn có hiệu quả phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Chăm lo đời sống cán bộ nhân viên và người lao động, đảm bảo thu nhập bình quân người lao động tăng 10% so với năm 2018.
- Chỉ đạo, tổ chức các hoạt động nhân các ngày kỷ niệm, ngày lễ lớn trong năm 2019.
- Tổ chức phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội năm 2019 hướng tới kỷ niệm các ngày lễ, sự kiện chính trị - văn hóa - xã hội quan trọng của đất nước, của Ngành, của Công ty.





QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị (tại ngày 31/12/2018)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Thái Linh	Chủ tịch	40.299	2,23%/VĐL
2	Mai Văn Tân	Thành viên	5.840	0,32%/VĐL
3	Lê Công Đệ	Thành viên	4.780	0,26%



1. Ông Nguyễn Thái Linh – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày tháng năm sinh	14/05/1961
Nơi sinh	Thạch Linh, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số 05 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Thuận Phước, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư
Quá trình công tác	
◆ <i>Từ 04/1982 đến 03/1990</i>	Kỹ thuật viên - Phân đoạn đường đèo Hải Vân, Phó Bí thư Đoàn TN Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam Đà Nẵng
◆ <i>Từ 04/1990 đến 08/2000</i>	Phó Bí thư, Bí thư Đoàn TN Xí nghiệp Liên hợp vận tải Đường sắt Khu vực II
◆ <i>Từ 09/2000 đến 15/9/2010</i>	Phó trưởng Phân ban Quản lý Cơ sở hạ tầng Đường sắt Khu vực II.
◆ <i>Từ 16/9/2010 đến 11/2015</i>	Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình
◆ <i>Từ 01/12/2015 đến 07/01/2016</i>	Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình
◆ <i>Từ 08/01/2016 đến nay</i>	Chủ tịch HĐQT CTCP Đường sắt Nghĩa Bình
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Chủ tịch HĐQT CTCP Đường sắt Nghĩa Bình
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đá Mỹ Trang
Số CP Công ty cá nhân nắm giữ	40.299 cổ phần tương ứng 2,23%/VĐL
Số CP được ủy quyền đại diện cho TCT Đường sắt Việt Nam	460.530 cổ phần tương ứng 25,5%/VĐL
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan	Không có.
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có.
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có.



BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

2. Ông Mai Văn Tân – Thành viên Hội đồng quản trị

Thông tin đã đề cập tại mục Ban điều hành

3. Ông Lê Công Đệ – Thành viên Hội đồng quản trị

Thông tin đã đề cập tại mục Ban điều hành

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Nguyễn Thái Linh	Chủ tịch	4/4	100%
2	Mai Văn Tân	Thành viên	4/4	100%
3	Lê Công Đệ	Thành viên	4/4	100%



Trong năm, HĐQT đã đưa ra các quyết định, nghị quyết:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	08/02/2018	Về việc thông Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và Phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018
2	04/NQ-HĐQT	12/04/2018	Về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý I năm 2018 và công tác sản xuất kinh doanh Quý II năm 2018
3	08/NQ-HĐQT	12/07/2018	Về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2018 và công tác sản xuất kinh doanh 6 tháng cuối năm 2018
4	10/NQ-HĐQT	15/10/2018	Về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý III năm 2018 và công tác sản xuất kinh doanh Quý IV năm 2018
5	12/NQ-HĐQT	08/11/2018	Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
1	11/QĐ-ĐSNB	06/03/2018	Về việc Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2018

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Không có.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Công ty không có tiểu ban.



BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Thị Kim Loan	Trưởng Ban	4.480	0,25%/VĐL
2	Phan Minh Trung	Thành viên	1.880	0,10%/VĐL
3	Bạch Khôi Tinh	Thành viên	995	0,06%/VĐL



1. Bà Trần Thị Kim Loan – Trưởng Ban Kiểm soát

Ngày tháng năm sinh	10/08/1976
Nơi sinh	Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Tổ 42, Khu vực 6, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Quá trình công tác	
◆ <i>Từ 10/1995 đến 03/1998</i>	Tập sự thống kê Đội đường 405 Bồng Sơn thuộc Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình.
◆ <i>Từ 04/1999 đến 12/2003</i>	Thống kê Đội đường 407 Phù Cát thuộc Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình
◆ <i>Từ 01/2004 đến 10/2013</i>	Nhân viên Xí nghiệp KDDV-XDCT thuộc Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình.
◆ <i>Từ 11/2013 đến 12/2015</i>	Phó phòng TCTTH, Xí nghiệp Xây dựng công trình thuộc Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình.
◆ <i>Từ 01/2016 đến nay</i>	Trưởng Ban kiểm soát CTCP Đường sắt Nghĩa Bình
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Trưởng Ban kiểm soát CTCP Đường sắt Nghĩa Bình
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần Công ty cá nhân nắm giữ	4.480 cổ phần tương ứng 0,25%/vốn điều lệ
Số cổ phần được ủy quyền đại diện cho TCT Đường sắt Việt Nam	Không có
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan	Chồng sở hữu 3.385 cổ phần tương ứng 0,19%/vốn điều lệ
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có



BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

2. Ông Phan Minh Trung – Thành viên Ban Kiểm soát

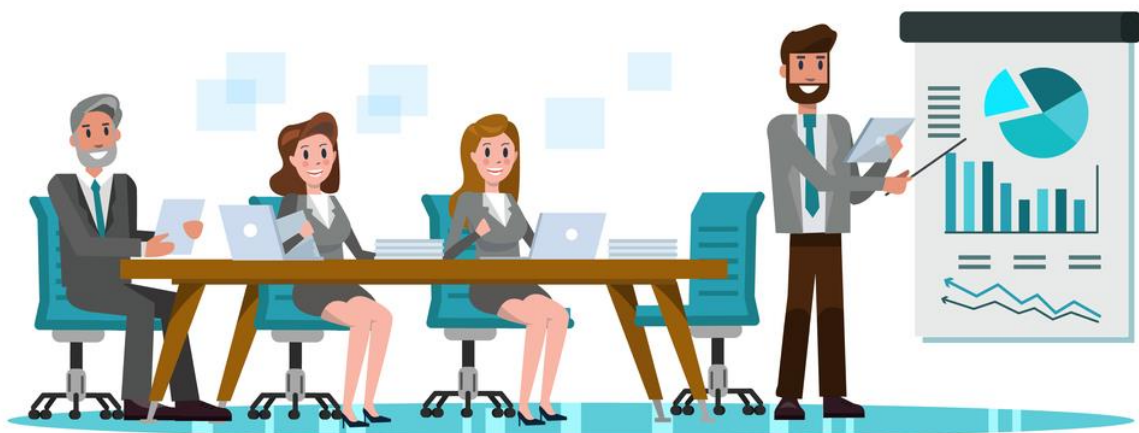
Ngày tháng năm sinh	09/11/1980
Nơi sinh	Thị trấn Tam Quan, Huyện Hoài Nhơn, Tỉnh Bình Định
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Tổ 22, Khu vực 4, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng cầu đường
Quá trình công tác	
◆ Từ 12/1999	Công nhân duy tu sửa chữa cầu, Đội QLXD cầu 406 Bồng Sơn, Công ty QLĐS Nghĩa Bình.
◆ Từ 01/2004 đến 12/2004	Thống kê Đội QLXD cầu 406 Bồng Sơn, Công ty QLĐS Nghĩa Bình.
◆ Từ 01/2005 đến 30/11/2010	Công nhân duy tu sửa chữa cầu đường sắt Đội QLXD cầu đường Bồng Sơn, Công ty QLĐS Nghĩa Bình.
◆ Từ 01/12/2010 đến 10/04/2017	Chuyên viên, Phòng Tổ chức – Hành chính, CTCP Đường sắt Nghĩa Bình.
◆ Từ 11/04/2017 – 27/03/2018	Chuyên viên, Phòng Tổ chức – Hành chính, CTCP Đường sắt Nghĩa Bình kiêm Thành viên Ban kiểm soát Công ty
◆ Từ 28/03/2018 - nay	Phó Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, CTCP Đường sắt Nghĩa Bình kiêm Thành viên Ban kiểm soát Công ty
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên Ban kiểm soát Công ty
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần Công ty cá nhân nắm giữ	1.880 cổ phần tương ứng 0,10%/vốn điều lệ.
Số cổ phần được ủy quyền đại diện cho TCT Đường sắt Việt Nam	Không có
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có



3. Ông Bạch Khôi Tinh – Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày tháng năm sinh	13/8/1981
Nơi sinh	Xã An Đổ, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	02 Đô Đốc Lộc, Thị trấn Tuy Phước, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định.
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cầu đường
Quá trình công tác	
◆ Từ 08/2008 đến 05/2010	Nhân viên Công ty CP Xây dựng và Thương mại Hồng Long.
◆ Từ 12/2010 đến 03/2011	Nhân viên Công ty Vận tải và Xây dựng Tranco
◆ Từ 04/2011 đến 01/2014	Nhân viên Công ty CP Xây dựng và Thương mại Phan Vân
◆ Từ 03/2014 đến 10/04/2017	Nhân viên Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình
◆ Từ 11/04/2017 - nay	Nhân viên Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình kiêm Thành viên Ban Kiểm soát Công ty
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên Ban Kiểm soát
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần Công ty cá nhân nắm giữ	995 cổ phần tương ứng 0,06%/Vốn điều lệ
Số cổ phần được ủy quyền đại diện cho TCT Đường sắt Việt Nam	Không
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan	Anh trai sở hữu 1.180 cổ phần tương ứng 0,065%/VĐL
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có





Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị

Các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập đều có sự tham dự đầy đủ của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Nội dung cuộc họp thảo luận xoay quanh định hướng và giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình sản xuất tại đơn vị. Các cuộc họp được chuẩn bị chu đáo và được ghi lại biên bản họp, lưu trữ cẩn thận.

Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành đúng trình tự theo quy chế nội bộ và Điều lệ Công ty quy định.

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Ban Giám đốc

Ban Giám đốc thường xuyên tổ chức họp giao ban. Nội dung họp tập trung triển khai các định hướng của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và Hội đồng quản trị; giải quyết các vướng mắc trong điều hành, quản lý của Ban Giám đốc.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và các bộ quản lý.

Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát đã có mối quan hệ phối hợp trong việc thực hiện quyền hạn và trách nhiệm được quy định trong Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật.

Hội đồng quản trị, Ban Điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

Ban Kiểm soát đã được cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty. Các báo cáo của Ban Kiểm soát đều được gửi đến Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Ban Kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng do Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định, không ảnh hưởng đến hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành.



**CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ
BAN KIỂM SOÁT**

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	Lương	Thưởng	Cho Công ty vay	Vay của Công ty
1	Hội đồng quản trị				
	Nguyễn Thái Linh	342.000.000	59.736.400		
	Mai Văn Tân	24.000.000	-	-	-
	Lê Công Đệ	24.000.000	-	-	-
2	Ban Kiểm soát				
	Trần Thị Kim Loan	258.000.000	23.815.800	-	-
	Phan Văn Trung	163.804.600	1.600.000	-	-
	Bạch Khôi Tinh	122.302.200	1.650.000	-	-
3	Ban Giám đốc				
	Mai Văn Tân	294.000.000	43.336.200	-	-
	Lê Công Đệ	282.000.000	33.396.000	-	-
	Nguyễn Thanh Hải	282.000.000	30.091.300	-	-



Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thường...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thái Linh	Chủ tịch HĐQT	27.019		31.059		Mua
2	Nguyễn Thái Linh	Chủ tịch HĐQT	31.059		40.299		Mua

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của Công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của Công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích Công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị Công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2018

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

đã được kiểm toán





Số: 28/2019/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình, được lập ngày 25 tháng 02 năm 2019, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2019

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Giám đốc



Mai Văn Công

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2920-2019-152-1

Kiểm toán viên

Lại Trường Dương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3392-2015-152-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		48.098.491.178	48.172.105.330
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.560.488.422	5.355.842.068
1.	Tiền	111	V.01	7.560.488.422	5.355.842.068
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.859.117.302	38.572.130.416
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	34.416.870.250	36.859.176.724
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	57.750.000
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	1.583.163.052	2.225.751.692
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(1.140.916.000)	(570.548.000)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.05	5.678.885.454	4.244.132.846
1.	Hàng tồn kho	141		5.678.885.454	4.244.132.846
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		14.016.344.406	13.861.925.845
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
II.	Tài sản cố định	220		10.934.265.579	10.971.166.805
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	10.934.265.579	10.971.166.805
	- Nguyên giá	222		26.374.915.817	24.754.806.726
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(15.440.650.238)	(13.783.639.921)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		3.082.078.827	2.890.759.040
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	3.082.078.827	2.890.759.040
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		62.114.835.584	62.034.031.175



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2018

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		39.631.802.909	40.184.405.145
I.	Nợ ngắn hạn	310		39.506.544.659	39.972.746.895
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	11.076.673.792	13.884.559.926
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	2.925.820.175	2.786.159.661
4.	Phải trả người lao động	314		21.797.037.072	19.712.343.085
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	105.000.000	105.000.000
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	3.325.151.027	2.895.018.660
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		276.862.593	589.665.563
II.	Nợ dài hạn	330		125.258.250	211.658.250
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.12	125.258.250	125.258.250
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.08	-	86.400.000
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		22.483.032.675	21.849.626.030
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.13	22.483.032.675	21.849.626.030
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.060.000.000	18.060.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.060.000.000	18.060.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		1.318.754.000	882.718.000
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.104.278.675	2.906.908.030
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		3.104.278.675	2.906.908.030
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		62.114.835.584	62.034.031.175

Người lập biểu



Phạm Thế Đạt

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Nhung

Bình Định, ngày 25 tháng 02 năm 2019



Giám đốc

Mai Văn Tân



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	143.030.930.729	130.192.660.679
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		143.030.930.729	130.192.660.679
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	126.161.808.657	113.218.839.105
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.869.122.072	16.973.821.574
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.084.565.294	869.144.744
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	9.843.507	19.429.333
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		9.843.507	19.429.333
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	486.367.841	522.584.846
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	13.214.348.096	13.111.757.458
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.243.127.922	4.189.194.681
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	23.711.000	9.000.000
12.	Chi phí khác	32	VI.06	309.192.462	319.443.790
13.	Lợi nhuận khác	40		(285.481.462)	(310.443.790)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.957.646.460	3.878.750.891
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	853.367.785	971.842.861
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.104.278.675	2.906.908.030
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	1.719	1.041
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	1.719	1.041

Bình Định, ngày 25 tháng 02 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





Phạm Thế Đạt

Nguyễn Thị Hồng Nhung

Mai Văn Tân



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		150.921.571.769	137.815.738.557
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(54.505.010.862)	(70.074.824.828)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(74.971.134.940)	(57.956.286.404)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(9.843.507)	(19.429.333)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(1.163.055.009)	(1.014.799.150)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		761.997.905	647.963.618
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(16.763.135.205)	(11.440.045.778)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>4.271.390.151</i>	<i>(2.041.683.318)</i>
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.620.109.091)	(2.388.427.574)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.084.565.294	869.144.744
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>(535.543.797)</i>	<i>(1.519.282.830)</i>



Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		1.000.000.000	2.000.000.000
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.086.400.000)	(2.064.800.000)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.444.800.000)	(1.354.500.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.531.200.000)	(1.419.300.000)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.204.646.354	(4.980.266.148)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.355.842.068	10.336.108.216
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		7.560.488.422	5.355.842.068

Bình Định, ngày 25 tháng 02 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Phạm Thế Đạt

Nguyễn Thị Hồng Nhung

Mai Văn Tân



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn giao thông đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình giao thông đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông đường sắt, trang thiết bị dụng cụ lao động;
- Khai thác, sản xuất đá và kinh doanh các sản phẩm từ đá;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn, du lịch.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 02 đơn vị thành viên là chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình – Xí nghiệp xây dựng công trình	Số 02, đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình – Trung tâm dịch vụ và văn hóa thể thao Đường sắt	Số 02, đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:



- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 37 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07 năm

05. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm kể từ khi Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần.

06. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

07. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

08. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.



10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và giá vốn của sản phẩm xây lắp bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	208.656.534	169.571.717
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.351.831.888	5.186.270.351
Cộng	<u>7.560.488.422</u>	<u>5.355.842.068</u>



Đơn vị tính: VND

02. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	34.416.870.250	36.859.176.724
- Công ty Cổ phần Công trình Thành Phát	1.471.564.000	2.525.117.100
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	27.184.034.690	25.966.080.166
- Công ty Cổ phần công trình 875	3.749.330.000	3.634.991.000
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	2.011.941.560	4.732.988.458
Cộng	34.416.870.250	36.859.176.724

b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	27.806.155.690	25.966.080.166
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	27.184.034.690	25.966.080.166
- Công ty Cổ phần đường sắt Thanh Hóa	112.931.000	-
- Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng	509.190.000	-
Cộng	27.806.155.690	25.966.080.166

03. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	1.583.163.052	-	2.225.751.692	-
- Tạm ứng	4.500.000	-	144.000.000	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	202.536.308	-	155.377.350	-
- Phải thu khác	1.376.126.744	-	1.926.374.342	-
+ Phải thu CBCNV – BHXH	362.626.394	-	372.710.842	-
+ Phải thu CBCNV - BHYT	79.696.900	-	75.007.300	-
+ Phải thu CBCNV - BHTN	52.977.100	-	49.333.400	-
+ Phải thu CBCNV (Thuế TNCN)	131.743.482	-	212.900.416	-
+ Các khoản phải thu khác	749.082.868	-	1.216.422.384	-
Cộng	1.583.163.052	-	2.225.751.692	-



Đơn vị tính: VND

04. Nợ xấu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Công ty Cổ phần thống nhất 508	1.140.916.000	-	1.140.916.000	570.368.000
Cộng	1.140.916.000	-	1.140.916.000	570.368.000
05. Hàng tồn kho	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	4.231.540.606	-	2.434.236.086	-
- Công cụ, dụng cụ	22.291.156	-	24.325.976	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.400.688.839	-	1.760.993.108	-
- Thành phẩm	19.382.702	-	19.382.702	-
- Hàng hóa	4.982.151	-	5.194.974	-
Cộng	5.678.885.454	-	4.244.132.846	-



06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình							Đơn vị tính: VND
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng		
I. Nguyên giá							
<i>Số dư đầu năm</i>	11.805.326.557	3.741.021.696	9.172.572.109	35.886.364	24.754.806.726		
- Mua trong năm	-	1.620.109.091	-	-	1.620.109.091		
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-		
- Tăng khác	-	-	-	-	-		
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-		
- Giảm khác	-	-	-	-	-		
<i>Số dư cuối năm</i>	11.805.326.557	5.361.130.787	9.172.572.109	35.886.364	26.374.915.817		
II. Giá trị hao mòn lũy kế							
<i>Số dư đầu năm</i>	6.748.166.541	2.260.348.828	4.743.698.349	31.426.203	13.783.639.921		
- Khấu hao trong năm	544.850.212	357.239.032	753.434.353	1.486.720	1.657.010.317		
- Tăng khác	-	-	-	-	-		
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-		
- Giảm khác	-	-	-	-	-		
<i>Số dư cuối năm</i>	7.293.016.753	2.617.587.860	5.497.132.702	32.912.923	15.440.650.238		
III. Giá trị còn lại							
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	5.057.160.016	1.480.672.868	4.428.873.760	4.460.161	10.971.166.805		
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	4.512.309.804	2.743.542.927	3.675.439.407	2.973.441	10.934.265.579		



Đơn vị tính: VND

07. Chi phí trả trước

<i>Dài hạn</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	-	86.447.169
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	684.829.045	96.221.363
- Giá trị lợi thế kinh doanh	2.369.579.194	2.708.090.508
- Các khoản khác	27.670.588	-
Cộng	<u>3.082.078.827</u>	<u>2.890.759.040</u>



	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
08. Vay và nợ thuê tài chính							
a. Vay ngắn hạn							
- <i>Vay ngân hàng</i>	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	
b. Vay dài hạn							
- <i>Từ 01 đến 05 năm</i>	86.400.000	86.400.000	-	86.400.000	-	-	
+ Vay CBCNV Công ty	86.400.000	86.400.000	-	86.400.000	-	-	
Cộng	86.400.000	86.400.000	1.000.000.000	1.086.400.000	-	-	
09. Phải trả người bán							
a. Phải trả người bán ngắn hạn							
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình đường sắt	11.076.673.792	11.076.673.792	-	-	13.884.559.926	13.884.559.926	
- Công ty Chế biến Lâm sản Nghệ An	1.985.190.940	1.985.190.940	-	-	4.236.260.000	4.236.260.000	
- Công ty Cổ phần Cơ khí Đường sắt Đà Nẵng	1.645.799.810	1.645.799.810	-	-	2.174.152.393	2.174.152.393	
- Công ty Cổ phần Công trình 6	2.266.200.000	2.266.200.000	-	-	1.571.446.000	1.571.446.000	
- Công ty TNHH MTV Vật tư đường sắt Đà Nẵng	1.104.085.600	1.104.085.600	-	-	1.776.680.000	1.776.680.000	
- Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại MEC Việt Nam	1.247.484.000	1.247.484.000	-	-	1.071.741.600	1.071.741.600	
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	2.827.913.442	2.827.913.442	-	-	-	-	
Cộng	11.076.673.792	11.076.673.792	11.076.673.792	11.076.673.792	13.884.559.926	13.884.559.926	



	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
b. Phải trả người bán là các bên liên quan					
Phải trả người bán ngắn hạn					
- Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng	1.104.085.600	1.104.085.600	1.071.741.600	1.071.741.600	
Cộng	1.104.085.600	1.104.085.600	1.071.741.600	1.071.741.600	
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước					
	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	2.008.629.123	9.085.126.253	8.713.097.009	2.380.658.367
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	563.055.009	853.367.785	1.163.055.009	253.367.785
- Thuế thu nhập cá nhân	-	214.475.529	334.437.972	257.119.478	291.794.023
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	418.343.718	418.343.718	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	-	-	-
Cộng	-	2.786.159.661	10.697.275.728	10.557.615.214	2.925.820.175



Đơn vị tính: VND

11. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Ngắn hạn</i>	<i>105.000.000</i>	<i>105.000.000</i>
- Các khoản trích trước khác	105.000.000	105.000.000
Cộng	105.000.000	105.000.000

12. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>a. Ngắn hạn</i>	<i>3.325.151.027</i>	<i>2.895.018.660</i>
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.325.151.027	2.895.018.660
+ Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	2.300.741.221	2.693.879.110
+ Tổng Công ty đường sắt Việt Nam - Tiền ray	732.435.802	-
+ Các đối tượng khác	291.974.004	201.139.550
<i>b. Dài hạn</i>	<i>125.258.250</i>	<i>125.258.250</i>
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	125.258.250	125.258.250
+ Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	125.258.250	125.258.250
Cộng	3.450.409.277	3.020.276.910



13. Vốn chủ sở hữu				Đơn vị tính: VND
<i>a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu</i>				
	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	18.060.000.000	-	3.480.482.401	21.540.482.401
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	2.906.908.030	2.906.908.030
- Tăng khác	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận trong năm trước	-	882.718.000	(3.480.482.401)	(2.597.764.401)
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	18.060.000.000	882.718.000	2.906.908.030	21.849.626.030
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	3.104.278.675	3.104.278.675
- Tăng khác	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận trong năm nay (*)	-	436.036.000	(2.906.908.030)	(2.470.872.030)
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	18.060.000.000	1.318.754.000	3.104.278.675	22.483.032.675



Đơn vị tính: VND

(*): Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/2018/NQ-DHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Công ty Cổ phần đường sắt Nghĩa Bình. Cụ thể như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển	436.036.000
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	813.072.030
- Trích quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành	213.000.000
- Trích cổ tức chi trả	1.444.800.000
Tổng phân phối lợi nhuận	<u>2.906.908.030</u>

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>
	VND	%	VND	%
- Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	9.210.600.000	51%	9.210.600.000	51%
- Các cổ đông khác	8.849.400.000	49%	8.849.400.000	49%
Cộng	<u>18.060.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>18.060.000.000</u>	<u>100%</u>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	18.060.000.000	18.060.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	18.060.000.000	18.060.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.444.800.000	1.354.500.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	1.444.800.000	1.354.500.000
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	-

d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.806.000	1.806.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.806.000	1.806.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.806.000	1.806.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.806.000	1.806.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.806.000	1.806.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	1.806.000	1.806.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.



14. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Vật tư nhận giữ hộ (vật tư cũ thu hồi) Tổng Công ty đường sắt Việt Nam

Tên vật tư, quy cách	Đơn vị tính	Số cuối năm	
		Số lượng	Trọng lượng quy đổi (kg)
Ray P43 L=12,5m PL	thanh	282	119.850
Ray P30 L=12m PL	thanh	26	7.384
Ray P43 PL	mét	45	1.530
Ray P30 PL	mét	18	450
Lập lách P43 PL	bộ	284	3.976
Lập lách P30 PL	bộ	28	280
Xương ghi tg tg 1/10 l=19,977m PL	bộ	2	8.200
Tâm ghi Tg 1/910P43 PL	Cái	2	1.080
Tà vệt sắt PL	Thanh	3.242	64.840
Tà vệt bê tông các loại PL	Thanh	11.299	169.485
Bu lông các loại PL	Cái	45.845	13.754
Cóc các loại PL	Cái	59.764	17.929
Đỉnh Tiaraphong PL	Cái	5.891	1.767
Đỉnh Cramphong PL	Cái	3.775	944
Căn sắt các loại PL	Cái	36.322	14.529
Đệm sắt PL	tấm	3.231	9.693

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	139.504.686.185	119.793.205.792
Doanh thu hợp đồng xây dựng	3.526.244.544	10.399.454.887
Cộng	143.030.930.729	130.192.660.679

Doanh thu đối với các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	139.177.198.685	117.555.756.391
+ Hoạt động quản lý bảo dưỡng thường xuyên	136.466.483.231	114.327.590.027
+ Công trình sửa chữa định kỳ <500 triệu đồng	2.182.672.727	3.228.166.364
+ Cứu chữa, khắc phục hậu quả thiên tai	528.042.727	-
Công ty Cổ phần đường sắt Thanh Hóa	102.664.545	-
+ Cứu chữa, khắc phục hậu quả thiên tai	102.664.545	-
Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng	462.900.000	-
+ Nâng cấp cải tạo sửa chữa đường ngang	462.900.000	-

02. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	122.724.667.008	102.862.449.886
Giá vốn của hoạt động xây dựng	3.437.141.649	10.356.389.219
Cộng	126.161.808.657	113.218.839.105



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2018

Đơn vị tính: VND

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	1.084.565.294	869.144.744
Cộng	1.084.565.294	869.144.744

04. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	9.843.507	19.429.333
Cộng	9.843.507	19.429.333

05. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản thu nhập khác	23.711.000	9.000.000
Cộng	23.711.000	9.000.000

06. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí cắt giảm công trình	283.682.462	234.876.339
- Các khoản chi phí khác	25.510.000	84.567.451
Cộng	309.192.462	319.443.790

07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
<i>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</i>	<i>13.214.348.096</i>	<i>13.111.757.458</i>
- Chi phí nhân viên quản lý	7.911.498.766	7.489.276.142
- Thuế, phí và lệ phí	337.318.218	349.910.297
- Chi phí dự phòng	570.368.000	570.548.000
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.395.163.112	4.702.023.019
<i>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</i>	<i>486.367.841</i>	<i>522.584.846</i>
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	486.367.841	522.584.846
Cộng	13.700.715.937	13.634.342.304

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	853.367.785	863.055.009
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	108.787.852
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	853.367.785	971.842.861



Đơn vị tính: VND

(*): Chi tiết tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.957.646.460	3.878.750.891
- Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	309.192.462	2.250.181.066
+ Chi phí không được trừ	309.192.462	980.463.415
+ Giá vốn tương ứng doanh thu đã tính thuế năm trước	-	1.269.717.651
- Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.813.656.911
+ Doanh thu đã tính thuế năm trước	-	1.746.174.452
+ Chênh lệch do áp dụng thuế suất khác của phần doanh thu đã tính thuế	-	67.482.459
- Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	4.266.838.922	4.315.275.046
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	853.367.785	863.055.009

09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	3.104.278.675	2.906.908.030
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.104.278.675	2.906.908.030
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	1.026.072.030
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.806.000	1.806.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.719	1.041

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	3.104.278.675	2.906.908.030
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.104.278.675	2.906.908.030
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	1.026.072.030
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.806.000	1.806.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.719	1.041



Đơn vị tính: VND

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	38.451.957.179	33.514.510.558
- Chi phí nhân công	77.715.813.184	75.487.162.077
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.657.010.317	1.449.310.284
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.474.805.688	2.312.064.982
- Chi phí khác bằng tiền	13.632.265.957	11.996.983.556
- Chi phí dự phòng	570.368.000	570.548.000
Cộng	<u>139.502.220.325</u>	<u>125.330.579.457</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2018 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	2.155.089.200	2.164.186.825
Cộng	<u>2.155.089.200</u>	<u>2.164.186.825</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Trung tâm Y tế Đường sắt	Đơn vị thành viên của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Vinh	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình đường sắt	Công ty mẹ nắm giữ 48,04% vốn điều lệ



Ngoài các nghiệp vụ phát sinh trong năm đã thuyết minh tại mục VI.01, các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Đơn vị tính: VND</u> <u>Năm trước</u>
Tổng Công ty đường sắt Việt Nam		
- Trả cổ tức	736.848.000	690.795.000
- Chi phí thuê nhà cung đường	173.589.345	376.744.659
- Thuê máy móc	1.908.875.401	2.281.704.160
- Nhận bàn giao ray	8.893.863.310	-
- Bồi thường vật chất	10.030.000	6.790.000
Công ty Cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên		
- Thi công công trình	-	172.890.000
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải		
- Thuê máy kiểm tra cầu đường sắt	-	8.844.545
Trung tâm Y tế Đường sắt		
- Khám sức khỏe định kỳ	114.400.000	133.800.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.02 và V.09, các công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty đường sắt Việt Nam		
+ Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	3.033.177.023	2.693.879.110
+ Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	125.258.250	125.258.250
Công nợ phải trả	3.158.435.273	2.819.137.360

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính trong năm như sau:

- Xây dựng: Xây dựng các công trình đường sắt, đường bộ...
- Dịch vụ: Dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, đảm bảo an toàn đường sắt, dịch vụ nhà hàng, cho thuê sân thể thao, bán vé tàu hỏa, máy bay, ...

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:



	Xây dựng	Dịch vụ	Đơn vị tính: VND	
				Cộng
Năm nay				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	3.526.244.544	139.504.686.185	143.030.930.729	
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	
- Chi phí phân bổ	3.410.645.759	135.377.157.048	138.787.802.807	
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	115.598.785	4.127.529.137	4.243.127.922	
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	-	1.620.109.091	1.620.109.091	
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	32.044.198	1.624.966.119	1.657.010.317	
Số dư cuối năm nay				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.344.967.610	53.209.379.552	54.554.347.162	
- Tài sản không phân bổ			7.560.488.422	
Tổng tài sản	1.344.967.610	53.209.379.552	62.114.835.584	
- Nợ phải trả bộ phận	970.245.686	38.384.694.630	39.354.940.316	
- Nợ phải trả không phân bổ			276.862.593	
Tổng nợ phải trả	970.245.686	38.384.694.630	39.631.802.909	



Năm trước	Xây dựng	Dịch vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cộng	
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	10.399.454.887	119.793.205.792	130.192.660.679	
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	
- Chi phí phân bổ	10.288.516.137	115.714.949.861	126.003.465.998	
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	110.938.750	4.078.255.931	4.189.194.681	
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	104.346.087	2.284.081.487	2.388.427.574	
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	100.296.704	1.349.013.580	1.449.310.284	
Số dư cuối năm trước				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	4.527.307.973	52.150.881.134	56.678.189.107	
- Tài sản không phân bổ			5.355.842.068	
Tổng tài sản	4.527.307.973	52.150.881.134	62.034.031.175	
- Nợ phải trả bộ phận	3.162.725.962	36.432.013.620	39.594.739.582	
- Nợ phải trả không phân bổ			589.665.563	
Tổng nợ phải trả	3.162.725.962	36.432.013.620	40.184.405.145	

Khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.



05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	11.076.673.792	-	-	11.076.673.792
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	105.000.000	-	-	105.000.000
Các khoản phải trả khác	3.325.151.027	125.258.250	-	3.450.409.277
Cộng	14.506.824.819	125.258.250	-	14.632.083.069
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	13.884.559.926	-	-	13.884.559.926
Vay và nợ	-	86.400.000	-	86.400.000
Chi phí phải trả	105.000.000	-	-	105.000.000
Các khoản phải trả khác	2.895.018.660	125.258.250	-	3.020.276.910
Cộng	16.884.578.586	211.658.250	-	17.096.236.836

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 02 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.



Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần đường sắt Nghĩa Bình đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Phạm Thế Đạt

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Nhung

Bình Định, ngày 25 tháng 02 năm 2019

Giám đốc



Mai Văn Tân





NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Mai Văn Tân

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH
Nguyễn Thái Linh

